

Số: 577/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ, du lịch**  
**tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Chương trình động số 23-CTr/TU ngày 27/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân về việc thông qua Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1006/TTr-SVHTTDL ngày 31/7/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Ngoại vụ, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Ngoại vụ, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB:PVP(KGVX), các Phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(bnt555).



**Trần Ngọc Căng**

## **ĐỀ ÁN**

### **Phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh)*

## **Phần thứ nhất**

### **SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

Trong những năm qua, dịch vụ, du lịch của tỉnh đã không ngừng phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, cơ bản đáp ứng yêu cầu của tiến trình phát triển công nghiệp và nhu cầu của người dân trong tỉnh, đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường, tạo việc làm và giữ vững an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, dịch vụ, du lịch của tỉnh vẫn còn rất nhiều khó khăn, hạn chế như: Đóng góp chưa nhiều cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm; quy mô hoạt động nhỏ; phát triển chưa đồng đều; thiếu tính chuyên nghiệp, hiệu quả và chất lượng chưa cao; mức độ xã hội hóa chưa mạnh mẽ; hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ; công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch, quản lý nhà nước chuyên ngành còn hạn chế; chưa hình thành các chuỗi giá trị, chưa tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, điểm đến hấp dẫn, nổi trội, khác biệt, có tính cạnh tranh cao; nguồn nhân lực du lịch hạn chế về số lượng và chất lượng; thiếu những dự án mang tính động lực để tạo sự phát triển đột phá cho ngành dịch vụ, du lịch của tỉnh...

Để dịch vụ, du lịch phát triển tương xứng với tiềm năng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX đã xác định phát triển dịch vụ, du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong nhiệm kỳ 2015-2020. Trên cơ sở đó, ngày 19/10/2016 Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020. Do vậy, việc xây dựng Đề án “Phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020” là hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu đưa dịch vụ, du lịch của tỉnh phát triển tương xứng với tiềm năng, khai thác hiệu quả tài nguyên để phát triển, góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng xã hội du lịch văn minh, thân thiện và mến khách; góp phần thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà, phấn đấu sớm đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh công nghiệp; tạo nhiều việc làm, giảm nghèo và thúc đẩy xã hội phát triển, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng và mạnh mẽ trong giai đoạn đến.

## **II. CĂN CỨ**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII;
- Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Luật Du lịch Việt Nam số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;
- Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 27/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020.
- Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;
- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;
- Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030;
- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23 tháng 10 năm 2015 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX;
- Nghị quyết 04/NQ-TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;
- Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 27/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Quyết định số 20/QĐ- UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

- Phạm vi điều chỉnh: Đề án tập trung đánh giá thực trạng các ngành dịch vụ có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của tỉnh và ngành du lịch Quảng Ngãi

trong giai đoạn 2011- 2015 và đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển dịch vụ, du lịch trên phạm vi toàn tỉnh đến năm 2020. Đề án có tác động lên các ngành chủ yếu sau: Văn hóa, thể thao, du lịch, công thương, tài nguyên, môi trường, giao thông, vận tải, thương mại, y tế, giáo dục và đào tạo, thông tin truyền thông, vận tải kho bãi, bất động sản, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, hoạt động trợ giúp xã hội...

- Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ, du lịch.

## **Phần thứ hai**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2015**

#### **I. DỊCH VỤ**

##### **1. Tình hình chung**

###### **a) Tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2011-2015 ước đạt 7,28%; trong đó, ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng bình quân 12,12%, công nghiệp - xây dựng tăng 6,02%, nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,85%.

Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ đóng góp lớn nhất trong tốc độ tăng trưởng chung của GRDP trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Năm 2011: 3,49%; năm 2012: 3,91%; năm 2013: 3,78%; năm 2014: 3,76%; năm 2015: 4,07%. Tuy nhiên, tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP của tỉnh đạt thấp từ 21 - 22,5%, trong khi cả nước là trên 40%.

###### **b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp và thủy sản. Trong đó, ngành dịch vụ chuyển dịch đến năm 2015 đạt 23,2% (Nghị quyết đề ra từ 25-26%)

##### **Cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2010 -2015 (%)**

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế nhập khẩu
2010	100,00	18,62	59,43	21,82	0,13
2011	100,00	18,80	59,17	21,91	0,12
2012	100,00	17,60	60,90	21,43	0,07
2013	100,00	15,28	63,97	20,70	0,05
2014	100,00	16,08	61,30	22,53	0,09
2015	100,00	15,4	61,4	23,2	

*(Nguồn niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2015)*

Một số ngành dịch vụ có tỷ trọng đóng góp lớn trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2010 – 2015 như: Dịch vụ bán buôn, bán lẻ (6,02% năm 2010 và 6,61% năm 2015); dịch vụ lưu trú và ăn uống (4,32% năm 2010 và 4,42% năm 2015); dịch vụ kinh doanh bất động sản (4,41% năm 2010 và 4,30% năm 2015); dịch vụ giáo dục đào tạo (1,7% năm 2010 và 1,55% năm 2015); dịch vụ vận tải kho bãi (1,43% năm 2010 và 1,67% năm 2015); dịch vụ truyền thông

thông tin (1,08% năm 2010 và 1,26% năm 2015)...

### ***c) Tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ***

Tổng sản phẩm theo giá so sánh năm 2010 của khu vực dịch vụ năm 2015 đạt 11.384.244 triệu đồng, tăng 77,2% so với năm 2010 (6.424.393 triệu đồng); tốc độ phát triển bình quân của khu vực dịch vụ giai đoạn 2010 – 2015 là 12,12%/năm. Trong đó, một số ngành dịch vụ có tốc độ phát triển bình quân cao trong giai đoạn này là: Dịch vụ truyền thông – thông tin; dịch vụ hoạt động chuyên môn và khoa học công nghệ; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; ...

### ***d) Vốn đầu tư phát triển ngành dịch vụ***

Trong giai đoạn 2010 -2014, tổng vốn đầu tư trên địa bàn theo giá hiện hành là 65.214.497 triệu đồng; trong đó; vốn đầu tư khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 1.09.6178 triệu đồng, chiếm 1,7%; vốn đầu tư lĩnh vực công nghiệp – xây dựng: 48.076.726 triệu đồng, chiếm 73,72%; vốn đầu tư khu vực dịch vụ: 16.041.593 triệu đồng, chiếm 24,6%, tập trung chủ yếu vào các ngành kinh doanh bán buôn, bán lẻ; vận tải, kho bãi và lưu trữ, ăn uống.

## **2. Thực trạng phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu**

### ***2.1. Dịch vụ phân phối***

#### ***a) Dịch vụ bán buôn, bán lẻ***

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ bán buôn, bán lẻ năm 2015 đạt 3.740.225 triệu đồng, tăng 72% so với năm 2010 (2.175.632 triệu đồng); Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 11%/năm.

Giai đoạn 2010 - 2015, tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá hiện hành trên địa bàn tỉnh liên tục tăng, từ 13.206.387 triệu đồng năm 2010 lên 37.808.080 triệu đồng năm 2015, tăng hơn 2,8 lần, với tốc độ tăng bình quân 17,017%/năm, cụ thể: Năm 2011 đạt 21.539,9 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2010; năm 2012 đạt 25.841,7 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2011; năm 2013 đạt 29.829,7 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2012, năm 2014 đạt 33.745 tỷ đồng, tăng 13,12% so với năm 2013; năm 2015 đạt 37.808 tỷ đồng, tăng 12,04% so với năm 2014.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có các hệ thống phân phối hàng hóa có tính chiến lược như: Xăng dầu, LPG, phân bón, xi măng, sắt thép; hệ thống phân phối lương thực, hệ thống phân phối tổng hợp hàng hóa tiêu dùng (chợ, siêu thị...), hệ thống phân phối hàng dược phẩm.

Tính đến 31/12/2015, trên địa bàn tỉnh có 925 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, trong đó có 481 doanh nghiệp bán buôn, còn lại là doanh nghiệp bán lẻ, bên cạnh đó có hàng nghìn hộ kinh doanh bán lẻ đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, hệ thống phân phối hàng tiêu dùng còn có 148 chợ; trong đó 02 chợ hạng 1, 23 chợ hạng 2, còn lại là chợ hạng 3 (chủ yếu là chợ dân sinh tập trung ở địa bàn nông thôn), 06 siêu thị, bao gồm: 02 siêu thị hạng I, 04 siêu thị hạng III (tập trung chủ yếu ở thành phố Quảng Ngãi).

#### ***b) Hoạt động xuất khẩu***

Kim ngạch xuất khẩu năm 2011 đạt 252,36 triệu USD, giảm 6,86% so với năm 2010; năm 2012 đạt 428,2 triệu USD, tăng 69,67% so với năm 2011; năm

2013 đạt 508,8 triệu USD, tăng 18,8% so với năm 2012; năm 2014 đạt 588,8 triệu USD, tăng 15,7% so với năm 2013; năm 2015 đạt 383,59 triệu USD, giảm 35% so với 2014 (*không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII đề ra: 500 triệu USD*). Bình quân giai đoạn 2011-2015, kim ngạch xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng 7,2%/năm.

Thị trường xuất khẩu: Hàng hoá xuất khẩu tỉnh Quảng Ngãi tập trung xuất khẩu vào các thị trường: Trung Quốc, Mỹ, EU, ASEAN, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hồng Kông, Braxin, Ấn Độ, Singapore, Malaysia, Đan Mạch, Đức, Turkey, Canada...; tổng thị trường xuất khẩu trên 35 nước. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: sản phẩm cơ khí (máy móc thiết bị công nghiệp), sản phẩm lọc hóa dầu (propylen, dầu FO, ethanol nhiên liệu khan), tinh bột mì, hàng may mặc, thủy sản, dăm gỗ, đồ gỗ, linh kiện điện thoại, ...

## **2.2. Dịch vụ thông tin và truyền thông**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ thông tin và truyền thông năm 2015 đạt 851.791 triệu đồng, tăng 140% so với năm 2010 (501.194 triệu đồng); Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 19%/năm.

### **a) Dịch vụ bưu chính, viễn thông**

Đến cuối năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 9 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông, trong đó có 3 doanh nghiệp viễn thông đã thành lập Chi nhánh tại các huyện, 7 doanh nghiệp tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát; phạm vi phục vụ rộng khắp tại 180/184 (xã, phường, thị trấn).

Mạng bưu chính công cộng hiện có 22 bưu cục, 155 điểm bưu điện văn hóa xã (BĐVHX), 45 đại lý - điểm giao dịch; năng lực mạng lưới hiện tại đảm bảo đáp ứng được nhu cầu chuyển phát của người dân trên địa bàn, với bán kính phục vụ bình quân đạt 2,4 km/điểm, mật độ đạt gần 4.000 người/điểm, 99% số xã trên địa bàn tỉnh có thư báo đến trong ngày.

Cáp quang nội tỉnh đã được đầu tư đến 183/184 xã (trừ xã An Bình - huyện đảo Lý Sơn), các doanh nghiệp đang tăng cường đầu tư cáp quang đến thôn/xóm/bản để mở rộng thị phần và cung cấp dịch vụ internet băng rộng. Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 1.000 trạm BTS 2G và 3G, đảm bảo khả năng phủ sóng di động khu vực nông thôn và miền núi, đạt 99% khu vực dân cư. Các doanh nghiệp đảm bảo cung cấp dịch vụ đúng giá cước, đúng chất lượng theo tiêu chuẩn ngành, có khoảng 470 đại lý internet công cộng được cài đặt phần mềm quản lý đại lý theo quy định.

### **b) Dịch vụ báo chí**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 06 cơ quan báo chí (CQBC) địa phương là Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình, Tạp chí Cẩm Thành, Tạp chí Sông Trà, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Tạp chí Tài chính Kế toán; 02 CQBC trung ương đặt văn phòng đại diện là Báo Nhân dân, Cơ quan thương trú TTXVN; 13 CQBC cử phóng viên thường trú (PVTT): Báo Tin nhanh Việt Nam (Vnexpress.net); Báo Thanh niên; Báo Lao động và Xã hội; Báo Văn hóa; Báo Dân Trí; Báo Nông thôn ngày nay; Báo Kinh tế Nông thôn; Báo Đại Đoàn Kết;

Báo Sài Gòn tiếp thị; Báo Biên phòng; Kênh Truyền hình Quốc hội, Đài Tiếng nói Việt Nam; Báo Tuổi Trẻ TP.Hồ Chí Minh; Báo Thể thao và Văn hóa.

Các cơ quan báo chí hoạt động đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích và các quy định của pháp luật; bám sát nội dung và thực hiện tốt những định hướng tuyên truyền của cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí địa phương. Đã có nhiều tin, bài có chất lượng và mang lại hiệu quả tuyên truyền cao, đáp ứng tốt quyền được thông tin của người dân; không có tình trạng lợi dụng tình hình, sự kiện để thông tin, tuyên truyền xuyên tạc sự thật, trái với đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh. Báo chí đã tuyên truyền sâu rộng những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh; phản ánh kịp thời các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cùng các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, chăm lo đời sống văn hóa - xã hội, an ninh-quốc phòng; nêu gương người tốt, việc tốt; phê phán những thói hư tật xấu, bệnh quan liêu, tham nhũng, lãng phí, hành vi vi phạm pháp luật... đồng thời cũng là kênh thông tin giải trí, phổ biến kiến thức... phục vụ người dân. Toàn tỉnh hiện có 16 cơ sở in được cấp phép in XBP; hoạt động của các cơ sở in cơ bản là tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

### *c) Dịch vụ nghe nhìn*

Đến nay việc phục vụ nghe nhìn trên địa bàn tỉnh đã được phát triển và là lĩnh vực thuộc dịch vụ công, bao gồm: Hệ thống các đài truyền hình, phát thanh, truyền thanh, báo viết, báo mạng đang đáp ứng rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, các dịch vụ như: Sản xuất băng hình, dịch vụ chiếu phim, dịch vụ ghi âm... cũng đã từng bước hình thành.

### **2.3. Dịch vụ vận tải kho bãi**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ vận tải kho bãi năm 2015 đạt 1.535.091 triệu đồng, tăng 106% so với năm 2010 (746.841 triệu đồng), tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 15%/năm. Doanh thu hoạt động vận tải tăng từ 633,5 tỷ đồng/ năm 2010, đến năm 2015 đạt 1.786,2 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 23%/năm.

Hoạt động kinh doanh vận tải có những chuyển biến tích cực cả về số lượng lẫn chất lượng; từ năm 2011 đến nay đã tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư phát triển thay thế, đổi mới 215 phương tiện, tổng kinh phí hơn 200 tỷ đồng, nâng tổng số phương tiện đang hoạt động là 935 phương tiện; trong đó: có 813 phương tiện vận tải khách, với hơn 11.000 chỗ ngồi, 115 phương tiện vận tải hàng hóa, với tổng trọng tải đạt 2.452 tấn, 07 tàu thủy vận chuyển hành khách. Phát triển mới 38 doanh nghiệp, tăng 152% so với năm 2011, nâng tổng số lên 134 đơn vị kinh doanh vận tải, cụ thể:

### *a) Dịch vụ vận tải hành khách*

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 05 bến xe khách liên tỉnh được xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT; trong đó: tại TP Quảng Ngãi có 03 bến xe, 02 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 2; 01 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 3; 02 bến xe tại huyện Đức Phổ và Bình Sơn đạt tiêu chuẩn loại 4, đáp ứng tốt các nhu cầu về nơi đỗ xe, lưu qua đêm cũng như các dịch vụ kèm theo, tạo sự tiện lợi, an toàn trong quá trình hoạt động vận tải đường bộ



Tổng sản lượng vận tải hành khách giai đoạn 2011-2015 đạt 14,6 triệu lượt khách, tương ứng luân chuyển đạt 3.677 triệu hành khách/Km, bình quân giai đoạn 2011-2015, tăng 11,6%/năm số lượng hành khách vận chuyển và tăng 11,6%/năm số lượng hành khách luân chuyển.

- Vận tải bằng xe buýt: Từ năm 2011 đến tháng 6/2013, đưa vào khai thác thêm 5 tuyến vận tải khách bằng xe buýt nâng tổng số tuyến hoạt động là 10 tuyến, với 54 phương tiện có trọng tải từ 34-47 chỗ, tổng kinh phí thực hiện hơn 42 tỷ đồng;

- Vận tải bằng xe taxi: UBND tỉnh ban hành Quy hoạch mạng lưới khách công cộng bằng xe taxi theo Quyết định 1432/QĐ-UBND và Quyết định 1930/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển vận tải bằng xe taxi giai đoạn 2014-2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để phù hợp với nhu cầu đi lại của khách. Hiện nay có 05 đơn vị taxi đang khai thác, với 380 xe ô tô các loại, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại bằng xe taxi của người dân.

b) *Dịch vụ vận chuyển hàng hóa*: Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển giai đoạn 2011-2015 đạt 25,9 triệu tấn tương ứng lượng luân chuyển hàng hóa là 4.412 triệu tấn/km, bình quân giai đoạn 2011-2015 dự kiến tăng 12,9%/năm số lượng hàng hóa vận chuyển tương ứng tăng 9,9%/năm số lượng hàng hóa luân chuyển.

#### c) *Vận tải đường thủy*

Đầu năm 2011, trên tuyến đường thủy nội địa Sa Kỳ đi Lý Sơn có 10 tàu chở hàng hóa, với tổng trọng tải 411 tấn và 03 tàu cao tốc hoạt động chở khách với 350 ghế. Năm 2014, đầu tư thêm 01 tàu cao tốc chở khách, trọng tải 266 ghế và 01 tàu chở hàng tải trọng 20 tấn, với số tiền 17,8 tỷ đồng; nâng tổng số phương tiện hoạt động vận tải khách trên 04 phương tiện

Hoạt động cảng biển: Sản lượng hàng hóa thông qua cảng giai đoạn 2011-2015 đạt 83,6 triệu tấn, dự kiến năm 2015 hàng hóa thông qua cảng đạt 19 triệu tấn; vận chuyển hành khách cảng biển đạt 632.258 lượt hành khách/năm, tăng bình quân 27,5%/năm.

### **2.4. Dịch vụ tài chính, ngân hàng**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm năm 2015 đạt 397.336 triệu đồng, tăng 79% so với năm 2010 (221.932 triệu đồng); Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 12%/năm.

Việc tăng trưởng lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đạt ở mức khiêm tốn, phản ánh đúng thực trạng sức khỏe của nền kinh tế, cụ thể: năm 2011 lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đạt 189.535 triệu đồng, năm 2012: 202.759 triệu đồng, năm 2013: 222.156 triệu đồng, năm 2014: 261.984 triệu đồng, tốc độ phát triển bình quân trong giai đoạn 2011 – 2014 đạt khoảng 11,7%, thấp hơn tốc độ tăng bình quân của ngành dịch vụ.

Mạng lưới ngân hàng không ngừng được mở rộng, đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh đã có 20 chi nhánh ngân hàng hoạt động, tăng 05 chi nhánh so với năm 2011. Tổng số vốn huy động năm 2015 đạt 35.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là

17,64%/ năm. Tổ chức hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân từng bước được phát triển và đạt hiệu quả, đến nay đã có 13 Quỹ tín dụng nhân dân được hình thành.

- *Dịch vụ cho vay*: Trong giai đoạn 2011-2015, ngành ngân hàng đã tập trung nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch, dịch vụ và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Dư nợ tăng trưởng đều qua các năm, cụ thể: Năm 2011: 240 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2010; năm 2012: 251 tỷ đồng, tăng 4%; năm 2013: 285 tỷ đồng, tăng 13%; năm 2014: 371 tỷ đồng, tăng 30%; năm 2015: 412 tỷ đồng, tăng 11% . Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn 2011-2015 dư nợ lĩnh vực dịch vụ tăng bình quân 14,4% đáp ứng nhu cầu mở rộng tín dụng phục vụ có hiệu quả cao cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lãi suất huy động và lãi suất cho vay từng bước giảm thấp. Đây là nguồn lực quan trọng để thực hiện đầu tư phát triển lĩnh vực dịch vụ trong thời gian đến.

- *Dịch vụ thanh toán*: Các dịch vụ tiện ích như phone banking, internet banking, home banking, SMS banking được phát triển mạnh mẽ; dịch vụ thẻ ATM đã trở nên khá phổ biến, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các công nghệ hiện đại thời hội nhập quốc tế.

### **2.5. Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội năm 2015 đạt 439.339 triệu đồng, tăng 80% so với năm 2010 (244.004 triệu đồng); tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 12%/năm.

#### **a) Dịch vụ bệnh viện**

- Hệ thống bệnh viện công lập: Hệ thống y tế công lập của tỉnh Quảng Ngãi tương đối ổn định và được tổ chức, quản lý theo ngành từ tỉnh đến cơ sở. Hiện có 17 đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh, 21 đơn vị trực thuộc tuyến huyện, 03 phòng khám đa khoa khu vực và 01 bệnh xá thuộc huyện và 183 trạm y tế xã, phường, thị trấn; ngoài ra còn có 14 phòng y tế trực thuộc UBND huyện, thành phố, tổng số giường bệnh trên toàn tỉnh là 2.805 giường.

- Lực lượng lao động trong ngành y tế: Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường về số lượng và chất lượng. Đến năm 2015 đạt 99% xã, phường, thị trấn có trạm y tế; 99% trạm y tế có biên chế bác sĩ; 70% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết; đạt 6,5/5,5 bác sĩ/vạn dân, tăng 18% so với nghị quyết. Công tác thu hút bác sĩ, được trình độ đại học, trên đại học về công tác tại tỉnh được đẩy mạnh, trong 2 năm 2013, 2014 đã thu hút, tuyển dụng, bố trí cho 95 bác sĩ, dược sĩ.

#### **b) Các dịch vụ khác về y tế**

Hệ thống y tế tư nhân: Số lượng cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trong thời gian qua tiếp tục được củng cố và phát triển theo quy định của pháp luật. Toàn tỉnh hiện có 1.140 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân đang hoạt động, tăng 46,9% so với năm 2009, trong đó: 01 bệnh viện mắt kỹ thuật; 234 cơ sở hành nghề y tư nhân; 109 cơ sở hành nghề y - dược cổ truyền; 739 cơ sở hành nghề dược tư nhân; 04 cơ sở hành nghề trang thiết bị tư nhân.

### **2.6. Dịch vụ giáo dục và đào tạo**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ giáo dục và đào tạo năm 2015 đạt 1.020.403 triệu đồng, tăng 66% so với năm 2010 (613.033 triệu đồng); Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 11%/năm.

*a) Dịch vụ giáo dục cơ sở và trung học*

- Hệ thống trường, lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng; công tác xã hội hóa giáo dục được chú trọng. Đến nay, toàn tỉnh có 03 trường phổ thông trung học tư thục cùng với hệ thống trường công lập, ngoài công lập đã góp phần quan trọng vào công tác giáo dục.

Giáo dục và đào tạo được đổi mới căn bản ở các cấp học, bậc học, chất lượng giáo dục, trình độ đội ngũ giáo viên được nâng lên đã tác động tích cực đến công tác giảng dạy, học của giáo viên và học sinh. Đội ngũ giáo viên từng bước đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn và nâng chuẩn đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục, đào tạo của tỉnh.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được tập trung triển khai, đến nay có 317 trường các cấp đạt chuẩn Quốc gia; trong đó: đến năm 2015 THCS so với nghị quyết đạt 63,9%/57,4% (tăng 11,3%); THPT so với nghị quyết đạt 46,2%/46,5% (so với nghị quyết đạt 24,6%/24,8% (chưa đạt). Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi;

Chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh được tăng cường, tạo tiền đề quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh. Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường cao đẳng, đại học ngày càng cao. Đạo đức, lối sống, năng lực thực hành của học sinh có chuyển biến tích cực bước đầu tạo dư luận tốt trong xã hội.

*b) Dịch vụ giáo dục nâng cao*

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 trường đại học (Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tài chính Kế toán, Đại học Công nghiệp), 04 trường cao đẳng nghề và một số trường trung cấp nghề, ... làm nhiệm vụ đào tạo, cung cấp cho thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh trong khu vực.

**2.7. Dịch vụ kinh doanh bất động sản**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản năm 2015 đạt 2.472.360 triệu đồng, tăng 65% so với năm 2010 (1.497.465 triệu đồng); tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 11%/năm.

Những năm gần đây, do bị ảnh hưởng bởi nền tài chính toàn cầu, hoạt động bất động sản có giai đoạn ngưng trệ. Tuy nhiên, dưới sự điều hành của Chính phủ hoạt động bất động sản đã có bước khởi sắc, những dịch vụ có liên quan tới sở hữu hoặc cho thuê bất động sản cũng được phát triển. Đến nay, bước đầu đã hình thành Khu đô thị An Phú sinh (tổng vốn đầu tư 972 tỷ đồng, diện tích giai đoạn 1 là 42 ha); cơ bản hoàn thiện hạ tầng khu đô thị Phát Đạt, Năm Bảy Bảy, Phú Mỹ...

## **2.8. Các dịch vụ khác**

Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 của ngành dịch vụ khác năm 2015 đạt 403.017 triệu đồng, tăng 144% so với năm 2010 (164.867 triệu đồng); Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2010 – 2015 là 20%/năm.

Mặc dù còn khá mới mẻ nhưng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đang có xu hướng phát triển rất nhanh trong thời gian qua, là lĩnh vực phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ ở Việt Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng

### **a) Dịch vụ chuyên ngành**

Một số lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành trên địa bàn tỉnh từng bước được phát triển và mang tính xã hội hóa cao như: Dịch vụ pháp lý, dịch vụ kế toán, dịch vụ thuế, dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ quy hoạch, ... Tuy nhiên, các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ này vẫn còn yếu về chuyên môn, tài chính, hoạt động vẫn còn nhỏ lẻ, chưa mang tính chuyên môn hóa cao.

### **b) Dịch vụ máy tính và các dịch vụ có liên quan**

Trong những năm gần đây, lĩnh vực dịch vụ này liên tục được phát triển, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức và công dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là dịch vụ liên quan tới việc lắp đặt máy tính. Bên cạnh đó, dịch vụ về xử lý số liệu, dịch vụ về cơ sở dữ liệu cũng được phát triển.

### **c) Dịch vụ môi trường**

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, tỉnh Quảng Ngãi cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề bức xúc, đặc biệt là chất lượng môi trường. Do đó, nhu cầu về xử lý chất thải và cải thiện môi trường ngày càng cao, đòi hỏi cần có những bước phát triển mới trong lĩnh vực dịch vụ môi trường. Tuy nhiên hiện nay năng lực các doanh nghiệp trên địa tỉnh cung ứng dịch vụ môi trường và chất lượng môi trường còn thấp, khu vực tư nhân tham gia chưa nhiều. Trước đây các hoạt động làm sạch, khôi phục môi trường và bảo vệ tài nguyên được xem là những dịch vụ công. Trong thời gian gần đây thực hiện chính sách xã hội hóa về lĩnh vực môi trường đã có một vài doanh nghiệp, HTX tham gia vào công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như: Công ty CP môi trường đô thị Quảng Ngãi, Công ty CP cơ điện môi trường Lilama, Công ty CP điện và môi trường Sơn Tịnh.

Hiện nay, ngoài các đơn vị thuộc nhà nước như: Các trung tâm cung ứng dịch vụ quan trắc môi trường và các đội thu gom chất thải sinh hoạt của các huyện trên địa bàn tỉnh có khoảng 10 đơn vị hoạt động cung ứng về dịch vụ môi trường nhưng chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hầu hết các doanh nghiệp này chỉ dừng lại ở công tác tư vấn, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc giám sát môi trường...

### **d) Các dịch vụ kinh doanh khác**

Cùng với loại hình dịch vụ trên, các loại dịch vụ như: Dịch vụ quảng cáo, dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ gắn với nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa; dịch vụ hội nghị, in ấn xuất bản; ... từng bước được xã hội hóa, cơ bản đáp ứng thỏa mãn nhu cầu của các tổ chức và công dân. Tuy nhiên các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực này vẫn còn nhỏ lẻ và chưa mang tính chuyên nghiệp.

## **II. DU LỊCH**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

So với các chỉ tiêu chủ yếu mà UBND tỉnh đã đề nghị Tỉnh ủy cho phép điều chỉnh khi kiểm điểm 02 năm thực hiện Kết luận 136-KL/TU ngày 08/12/2011, trong giai đoạn 2011-2015, du lịch Quảng Ngãi đã thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Tổng thu du lịch năm 2015 là 560 tỷ đồng, tăng 160% so với năm 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là: 21,1%

- Tổng lượt khách năm 2015 đạt 650.000 lượt, tăng 97% so với năm 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là: 14,5%, trong đó khách quốc tế là 55.000 lượt. *(Phụ lục số 01 đính kèm)*

### **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch**

#### **2.1. Công tác quy hoạch**

Đã triển khai lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện 6 quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến 2025<sup>[1]</sup>; Quy hoạch phát triển du lịch huyện Đảo Lý Sơn<sup>[2]</sup>; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Đặng Thùy Trâm<sup>[3]</sup>; Quy hoạch điều chỉnh, mở rộng quy hoạch phân khu Khu du lịch Mỹ Khê tỷ lệ 1/2000<sup>[4]</sup>, Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu văn hóa Thiên Ân<sup>[5]</sup>. Hiện nay, đang tiếp tục triển khai để phê duyệt 02 quy hoạch sau: Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000 điều chỉnh, mở rộng Khu du lịch Sa Huỳnh, Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, huyện Trà Bồng.

#### **2.2. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng dịch vụ du lịch**

##### **- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách**

Trong giai đoạn 2011-2015, đã đầu tư 122 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu du lịch của tỉnh. Trong đó nguồn vốn bố trí từ ngân sách tỉnh là 71,40 tỷ, chiếm 58,6%, còn lại là nguồn vốn Trung ương *(Phụ lục số 02 đính kèm)*.

##### **- Kết cấu hạ tầng dịch vụ du lịch bằng nguồn vốn doanh nghiệp**

Đến năm 2015, có 12 dự án với tổng số vốn khoảng 2.022 tỷ đồng đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, giá trị giải ngân vốn đầu tư khoảng 30%, một số dự án đã đi vào hoạt động<sup>[6]</sup>.

*(Phụ lục số 03 đính kèm)*.

Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí... từng bước được phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch, chuyên gia, khách công vụ đến tham quan, làm việc tại Quảng Ngãi. Hệ thống nhà hàng, quán cà phê, karaoke, cửa hàng lưu niệm... cơ bản đáp ứng cho nhu cầu của khách du

[1] Phê duyệt tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014

[2] Phê duyệt tại Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 03/6/2015

[3] Phê duyệt tại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 05/6/2014

[4] Phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 08/6/2015

[5] Phê duyệt tại Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 15/12/2016

lich. Toàn tỉnh có 13 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, trong đó có 01 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và 02 chi nhánh kinh doanh lữ hành quốc tế.

- *Kết cấu hạ tầng bổ trợ*: Nâng cấp cảng Sa Kỳ, khai thác tuyến nội thủy Sa Kỳ - Lý Sơn, đảo Lớn - đảo Bé, Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, triển khai thi công đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi, đường ven biển Dung Quất- Sa Huỳnh...

- *Hệ thống dịch vụ bổ trợ*:

+ Dịch vụ thương mại gắn với các khu, tuyến, điểm du lịch phát triển và cơ bản đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch. Hệ thống siêu thị phát triển đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dần với môi trường kinh doanh thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Năm 2015, tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định chủ trương đầu tư Trung tâm thương mại<sup>[6]</sup> Shop House do Tập đoàn Vingroup đầu tư tại thành phố Quảng Ngãi.

+ Các điểm giao dịch và dịch vụ tiện ích thanh toán được phát triển mạnh mẽ. Dịch vụ thẻ ATM đã trở nên khá phổ biến, mạng lưới ngân hàng được mở rộng với 20 chi nhánh hoạt động vào năm 2015. Tại đảo Lý Sơn đã có lắp đặt trụ ATM đã tạo điều kiện thuận lợi phục vụ nhu cầu của khách du lịch cũng như người dân trên đảo.

+ Dịch vụ vận tải du lịch phát triển khá mạnh. Dịch vụ taxi, các tuyến xe buýt hoạt động rộng khắp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân và khách du lịch. Các hãng hàng không giá rẻ mở nhiều đường bay từ Chu Lai đi các tỉnh, thành với tần suất 20 chuyến/tuần. Có 04 phương tiện phục vụ hành khách đi lại trên tuyến đường thủy từ cảng Sa Kỳ đi Lý Sơn, tạo thuận lợi cho việc đưa khách du lịch đến đảo Lý Sơn. Vận chuyển đường sắt trên tuyến Bắc - Nam hoạt động đều đặn cũng là kênh vận chuyển khách du lịch quan trọng.

### ***2.3. Khôi phục, phát triển các loại hình văn hóa phi vật thể; đầu tư tôn tạo, phát triển các điểm tham quan du lịch***

- *Đầu tư, tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử văn hoá và phát triển các loại hình văn hoá phi vật thể phục vụ du lịch*

Trong những năm qua đã có 15 di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia<sup>[7]</sup> và hơn 20 di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh được trùng tu, tôn tạo, lập bia bảng.

Đang triển khai thực hiện việc đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá như: Khu bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích khảo cổ Sa Huỳnh (*dự kiến khánh thành vào tháng 8/2017*); Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa thôn Làng Teng, xã Ba Thành, huyện Ba Tư; đồng thời đang triển khai lập hồ sơ đề nghị công nhận Bình Châu, Lý Sơn và khu vực phụ cận là công viên địa chất toàn cầu; lập hồ sơ công nhận Giếng Tiên, Thới Lới là di tích cấp quốc gia...

[6] KDL Sa Huỳnh, KDL Mỹ Khê, KDL Thác Trắng Minh Long, Khách sạn 4\* Mường Thanh - Lý Sơn...

[7] Chùa Hang, đình làng An Hải, bảo tồn phát huy di tích Nhà trưng bày hải đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải trên đảo Lý Sơn; di tích khởi nghĩa Ba Tư; di tích Khởi nghĩa Trà Bồng; Khu chứng tích Sơn Mỹ; Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng; nhà thờ và mộ Bùi Tá Hán, đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định; mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng, mộ Huỳnh Công Thiệu; Phòng trưng bày nữ anh hùng - liệt sĩ - bác sĩ Đặng Thùy Trâm; di tích Khánh Giang - Trường Lệ; Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ, Địa đạo Đám Toái (Bình Châu)...

Duy trì và phát huy giá trị các lễ hội của cư dân vùng đồng bằng, ven biển, hải đảo<sup>[8]</sup> và các loại hình diễn xướng dân gian<sup>[9]</sup>. Các lễ hội ở miền núi cũng tổ chức thường xuyên<sup>[10]</sup>, mỗi năm thu hút hàng chục nghìn lượt người tham dự. Các loại hình phi vật thể ở miền núi cũng được chú trọng<sup>[11]</sup>. Lễ Khao lè thế lính Hoàng Sa được tổ chức hàng năm tại Lý Sơn hàng chục năm qua đã trở thành nghi lễ tiêu biểu của cả nước.

- *Đầu tư phát triển một số điểm tham quan cảnh quan, sinh thái.*

Hầu hết các cảnh quan sinh thái được đầu tư tôn tạo gắn với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ở các khu, điểm du lịch: Mỹ Khê, Lý Sơn, Sa Huỳnh, Thác Trảng... đồng thời, các nhà đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác phục vụ khách du lịch.

#### **2.4. Về phát triển các loại hình du lịch, khai thác các tour, tuyến du lịch**

Nhờ có bề dày về lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên đa dạng, phong phú nên trong những năm qua tỉnh đã chú trọng phát triển các loại hình du lịch như du lịch lịch sử, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và du lịch biển đảo nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của mình. Hiện nay, loại hình du lịch biển đảo đang có chiều hướng phát triển khá mạnh, tạo nên điểm nhấn cho du lịch của tỉnh.

UBND tỉnh đã công nhận và tổ chức công bố 03 tuyến du lịch<sup>[12]</sup>. Ngoài ra, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn chủ động định hướng cho các công ty lữ hành khai thác 03 tuyến du lịch<sup>[13]</sup>. Trong đó, tuyến du lịch biển đảo Lý Sơn phát triển khá nhanh và hiện đang trở thành điểm đến hấp dẫn du khách của du lịch Quảng Ngãi. Năm 2015, Lý Sơn đã đón 95.000 lượt khách, tăng hơn 18 lần với năm 2010. Bên cạnh việc chào bán các tour du lịch vào tỉnh, các công ty lữ hành của tỉnh cũng đã xây dựng và tổ chức các tour ra nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân trong tỉnh.

#### **2.5. Công tác liên kết, hợp tác và quảng bá xúc tiến du lịch**

Nhằm tăng cường hợp tác phát triển du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch liên vùng, phát huy hiệu quả giá trị tài nguyên, góp phần thúc đẩy du lịch Quảng Ngãi phát triển, trong những năm qua, ngành du lịch Quảng Ngãi đã ký kết nhiều chương trình liên kết, hợp tác với ngành du lịch các tỉnh thành<sup>[14]</sup> và đã triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến, xây dựng kết nối tour, đón các đoàn famtrip. Các doanh nghiệp lữ hành lớn trong nước<sup>[15]</sup> đã xây dựng chương trình du lịch đưa khách về Quảng Ngãi, nhất là huyện đảo Lý Sơn. Thị trường khách du lịch phía Bắc đến Quảng Ngãi khá ổn định và tăng trưởng đều, việc tổ chức liên

[<sup>8</sup>] Lễ hội đua thuyền, Lễ hội nghinh Ông, Lễ khao lè thế lính Hoàng Sa, Lễ hội cầu ngư...

[<sup>9</sup>] hát bài chòi, hát hò, hát sắc bùa, hát bả trạo...

[<sup>10</sup>] tiêu biểu là lễ ăn trâu, lễ ngã rạ, đặc biệt là Lễ hội Điện Trường Bà Trà Bồng

[<sup>11</sup>] Hát Moan, Calac, Cachoi, Xàru, đấu chiêng...

[<sup>12</sup>] (i) Tuyến du lịch Theo dòng nhật ký Đặng Thùy Trâm, (ii) thành phố Quảng Ngãi – Vạn Tường – Dung Quất, (iii) tuyến du lịch biển đảo Lý Sơn

[<sup>13</sup>] (i) Tuyến thành phố Quảng Ngãi – Nghĩa Hành – Minh Long – Ba Tơ, (ii) tuyến thành phố Quảng Ngãi – Trà Bồng, (iii) tuyến thành phố Quảng Ngãi – Mộ Đức – Đức Phổ

[<sup>14</sup>] Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định, Kon Tum, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng...

[<sup>15</sup>] Vietravel, Fiditour, Saigontourist...

kết tour cho khách du lịch với Đà Nẵng, Quảng Nam bắt đầu được tăng cường, nhất là sau khi tổ chức các đoàn famtrip đến tỉnh.

Công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến tiềm năng, thế mạnh về du lịch Quảng Ngãi đã được quan tâm, chú trọng. Các hình thức tuyên truyền, quảng bá khá đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và Trung ương<sup>[16]</sup>, quảng bá điem đến trên kênh truyền hình Let'sViet; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên thông tin về các hoạt động phát triển du lịch của tỉnh..., xây dựng hàng chục phim tư liệu và phóng sự trên chuyên mục Văn hóa Quảng Ngãi, Quê ta- Núi Án sông Trà, 72 ký sự Non nước quê tôi. Hàng năm, các tài liệu quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức như catalogue, tập gấp, video clip... cũng được quan tâm tổ chức thực hiện.

Tỉnh cũng đã tham gia các hội chợ, sự kiện du lịch lớn<sup>[17]</sup> để giới thiệu, quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Ngãi, quảng bá về du lịch tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước. Đăng ký xác lập và tổ chức công bố kỷ lục quốc gia cho 04 đặc sản<sup>[18]</sup>.

### **2.6. Về đào tạo, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực**

Trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh đã phối hợp với Tổng cục Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ sở đào tạo nghề tổ chức 25 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho hơn 1.100 lao động là cán bộ quản lý và nhân viên các doanh nghiệp du lịch<sup>[19]</sup>. Qua các lớp tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng, đội ngũ lao động của ngành phát huy tốt hơn chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Nhiều lượt cán bộ tham gia Hội nghị tập huấn nghiệp vụ pháp chế và quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực du lịch đến với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch và người dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ, nhân viên đang công tác tại các Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

### **2.7. Công tác giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ môi trường**

Ngoài việc chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị<sup>[20]</sup> về việc tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch;

---

[16] Giới thiệu về tiềm năng du lịch và ẩm thực Quảng Ngãi trên chuyên mục “Svietnam- Hương vị cuộc sống” (VTV1), Cà phê sáng (VTV3)

[17] Hội chợ du lịch quốc tế (ITE), Hội chợ quốc tế Hà Nội (VITM), Ngày hội Du lịch TPHCM, Hội chợ Du lịch quốc tế Biên Hòa, Ngày hội Văn hoá các dân tộc miền Trung tại Nghệ An, Tuần lễ Du lịch Xanh ĐBSCL năm 2015 tại Cần Thơ, Hội thảo liên kết phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung gắn kết với Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia...

[18] Cá bóng sông Trà, món Don, quế Trà Bồng, kẹo gương và công bố kỷ lục châu Á cho đặc sản quế Trà Bồng

[19] nghiệp vụ lễ tân, thuyết minh viên, nghiệp vụ buồng, bàn, quản lý khách sạn, nghiệp vụ du lịch cho lái xe và nhân viên phục trên xe ô tô vận chuyển khách du lịch...

[20] Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013



Thông tư liên tịch<sup>[21]</sup> hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị<sup>[22]</sup> về việc tăng cường công tác giữ gìn trật tự, trị an và quản lý bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và có Công văn<sup>[23]</sup> chỉ đạo tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh đã phối hợp với Công an tỉnh tổ chức “Hội nghị phổ biến một số vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch; đồng thời triển khai kế hoạch đảm bảo oan ninh, trật tự tại các chương trình, sự kiện chính trị lớn: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, Tuần Văn hoá biển đảo... đặc biệt đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn hàng hải cho khách tham quan huyện đảo Lý Sơn.

Tỉnh đã thiết lập “đường dây nóng”, thành lập Tổ hỗ trợ du khách để kịp thời xử lý thông tin, phản ánh của khách du lịch.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Mặt tích cực**

Có thể nói trong những năm qua, lĩnh vực dịch vụ, du lịch đã có bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế tăng trưởng, góp phần tạo việc làm, giải quyết công tác an sinh xã hội; đóng góp tích cực cho việc cải thiện chỉ số PCI và PAPI của tỉnh, lĩnh vực du lịch đã có những bước khởi sắc, đạt được một số kết quả nhất định. Cụ thể:

- Công tác quy hoạch ngành, kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành du lịch, quy hoạch các khu, điểm du lịch, quy hoạch hạ tầng thương mại, hạ tầng giao thông, hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục... đã được quan tâm triển khai.

- Môi trường đầu tư được cải thiện, thủ tục hành chính được cải cách theo hướng minh bạch, thông thoáng, thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh nên đã thu hút được các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến tỉnh kinh doanh, triển khai các dự án, đã thu hút được các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu<sup>[24]</sup>.

- Một số ngành dịch vụ chủ lực phát triển tương đối đồng bộ như: Hệ thống giao thông được đầu tư nâng cấp; dịch vụ vận tải phát triển mạnh, khối lượng vận tải hàng hóa, vận tải hành khách tăng ở mức cao. Mạng lưới viễn thông và các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin phát triển mạnh. Dịch vụ phân phối được trải rộng từ thành thị đến nông thôn, miền núi và từng bước được phát triển đúng hướng; dịch vụ tài chính cơ bản đáp ứng nhu cầu tín dụng của các thành phần kinh tế. Các dịch vụ về giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe có nhiều tiến bộ, đổi mới và phát triển.

[21] Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013

[22] 25/CT-UBND ngày 23/9/2011

[23] 4389/UBND-VX ngày 30/10/2013

[24] Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Mường Thanh, Sài Gòn Co.op..

- Doanh nghiệp đã chủ động nghiên cứu lộ trình Việt Nam cam kết với WTO, khu vực và các hiệp định thương mại song phương, đa phương để xây dựng biện pháp, giải pháp, tổ chức đổi mới hoạt động nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển trên từng lĩnh vực dịch vụ.

- Cơ sở hạ tầng tại các khu, điểm du lịch và hệ thống giao thông từng bước được xây dựng, chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu đi lại và tham quan của khách du lịch.

- Một số di tích lịch sử - văn hoá đã được tôn tạo, điểm tham quan du lịch đã được đầu tư; tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa có quy mô lớn, đặc biệt là Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa và Tuần Văn hoá biển đảo năm 2013 đã tạo điều kiện quảng bá, xúc tiến du lịch, gắn việc phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể vùng biển đảo.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch được từng bước quan tâm và đa dạng hóa về hình thức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả, nhất là tại thị trường các tỉnh phía Bắc.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng, phù hợp với tình hình thực tiễn của ngành và nhu cầu của doanh nghiệp, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, dịch vụ của tỉnh, góp phần cải thiện chất lượng phục vụ.

## **2. Những tồn tại và hạn chế**

- Mặc dù ngành dịch vụ, du lịch có sự gia tăng về số lượng, song chất lượng ở một số phân ngành trọng yếu vẫn còn hạn chế<sup>[25]</sup>, chưa tạo được sự phát triển đột phá, chưa phát huy hiệu quả cao tiềm năng, lợi thế của tỉnh; một số ngành dịch vụ phát triển nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân như: Hoạt động bán hàng đa cấp, vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Các doanh nghiệp dịch vụ hầu hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, sức cạnh tranh thấp, chưa có những doanh nghiệp lớn, đủ sức giữ vai trò chủ đạo để tạo thành một hệ thống cung ứng dịch vụ hiện đại, chất lượng tốt phục vụ nhu cầu cho khách hàng. Chưa thật sự vai trò liên kết trong hoạt động kinh doanh dịch vụ, phục vụ, chưa phát huy hiệu quả vai trò cầu nối của các hiệp hội ngành nghề.

- Cơ chế, chính sách ưu đãi để phát triển các lĩnh vực dịch vụ, du lịch vẫn chưa đồng bộ, thống nhất, mang tính vượt trội để tạo động lực thu hút hiệu quả nguồn đầu tư và phát triển mạnh mẽ dịch vụ, du lịch.

- Nguồn nhân lực tuy tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa cao. Ở một số địa bàn trọng điểm, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về dịch vụ, du lịch còn ít, trình độ chuyên môn còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến du lịch của tỉnh còn yếu và thiếu, chưa thành lập bộ phận xúc tiến du lịch cấp tỉnh, chưa hình thành đội ngũ tiếp thị du lịch chuyên nghiệp. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trong các doanh nghiệp phần lớn chưa qua đào tạo chuyên ngành dịch vụ, du lịch. Do vậy, công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ còn yếu kém, chủ doanh nghiệp mới chỉ chú trọng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị nhưng ít quan tâm đến đầu tư phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao để nâng cao chất lượng phục vụ; các doanh nghiệp thuê lao

[25] Dịch vụ phân phối, logistics, lưu trú, ăn uống; giáo dục; vận tải, kho bãi; y tế, nông nghiệp, ngư nghiệp ...

động phổ thông, nhân công giá rẻ dẫn đến sự không đồng bộ giữa cơ sở vật chất trang thiết bị với chất lượng phục vụ đội ngũ cán bộ marketing trong doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.

- Đến nay chưa có khu, điểm du lịch nào có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng dịch vụ được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào khai thác hiệu quả. Hầu hết các dự án đều chưa thực hiện đầu tư đúng tiến độ và phát huy hiệu quả. Nhiều dự án chậm hoặc không tiếp tục đầu tư gây lãng phí lớn về tài nguyên và bức xúc trong dư luận xã hội, chưa thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực du lịch, dịch vụ của tỉnh.

- Sản phẩm du lịch nghèo nàn, chưa có sản phẩm du lịch có chất lượng cao và tính cạnh tranh nổi trội; thiếu sự liên kết giữa các điểm du lịch trong tỉnh và liên tỉnh để khai thác hiệu quả tiềm năng, dẫn đến thiếu các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch, khu vui chơi giải trí, khu mua sắm, khu ẩm thực... để thu hút khách du lịch lưu trú dài ngày. Có trường hợp đã công bố mở tuyến nhưng không phát triển được như tuyến du lịch theo dòng nhật ký Đặng Thùy Trâm.

- Các sự kiện, lễ hội được tổ chức còn quá khiêm tốn cả về quy mô và mức kinh phí, chưa thực sự là những sự kiện, lễ hội du lịch nhằm tạo sức hút đối với khách du lịch trong và ngoài nước đến tỉnh.

- Công tác xúc tiến du lịch còn chưa chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao. Hoạt động xúc tiến và liên kết du lịch trong và ngoài nước còn hạn chế, nhất là hoạt động xúc tiến du lịch ở nước ngoài. Các loại hình thông tin có hình thức và nội dung còn nghèo nàn; các ấn phẩm xúc tiến du lịch của tỉnh chất lượng còn thấp, chưa phong phú; công tác quảng bá qua mạng internet và trang mạng xã hội chưa được triển khai mạnh mẽ và hiệu quả. Các hoạt động giao lưu, hợp tác, tổ chức các sự kiện, trao đổi các đoàn famtrip để kết nối tour, tuyến, điểm du lịch với các đối tác nước ngoài, địa bàn nước ngoài còn chưa phát triển.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Là tỉnh có điểm xuất phát thấp, nguồn vốn hạn chế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn nhiều hạn chế, nhất là hạ tầng giao thông, tiềm năng du lịch chưa thực sự nổi trội để dịch vụ phát triển, tạo sức hấp dẫn đối với du khách và các nhà đầu tư. Nhu cầu sử dụng các dịch vụ của các tổ chức, công dân chưa cao; đặc biệt là một số lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, chưa phải là nhu cầu cấp thiết, dẫn đến làm giảm sự phát triển.

- Cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát trong nước tăng cao đã gây hệ lụy cho nền kinh tế nói chung và phát triển dịch vụ, du lịch nói riêng, làm hạn chế khả năng tập trung vốn để đầu tư của các nhà đầu tư.

#### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về lĩnh vực dịch vụ, du lịch còn nhiều hạn chế, mức độ quan tâm thực sự đến phát triển dịch vụ, du lịch chưa cao. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp chưa thường xuyên và chặt chẽ trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện.

- Chính quyền các cấp chưa tổ chức thực hiện quyết liệt những giải pháp hữu hiệu, chưa dành sự ưu tiên về ngân sách và tập trung đầu tư mạnh mẽ để tạo cú hích thúc đẩy du lịch, dịch vụ phát triển, nhất là đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư, kích thích tái đầu tư mở rộng. Chưa tạo ra được những sản phẩm du lịch thực sự hấp dẫn và đáp ứng được yêu cầu của du khách và nhân dân trong tỉnh.

- Chưa có cơ chế, chính sách riêng, mang tính vượt trội để hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực du lịch và một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, nhất là các nhà đầu tư có tiềm lực, có thương hiệu và kinh nghiệm để triển khai thực hiện các dự án lớn, tạo sự phát triển đột phá cho dịch vụ, du lịch.

- Thiếu sự đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho dịch vụ, du lịch.

- Các doanh nghiệp dịch vụ hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sức cạnh tranh thấp, chưa có những doanh nghiệp lớn, đủ sức giữ vai trò chủ lực để tạo thành một hệ thống cung ứng dịch vụ hiện đại, chất lượng tốt hay có tiềm lực và kinh nghiệm để đầu tư các dự án mang tính “hạt nhân” thúc đẩy du lịch, dịch vụ phát triển. Chưa thực hiện vai trò liên kết chuỗi giá trị trong hoạt động kinh doanh, chưa phát huy hiệu quả vai trò cầu nối của các hiệp hội ngành nghề.

### **Phần thứ ba**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2020**

### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Dịch vụ, du lịch là ngành kinh tế có tính liên ngành, liên vùng, tính cộng đồng và xã hội hóa cao, trong đó ngành du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có nội dung văn hóa sâu sắc; phát triển dịch vụ, du lịch là nhiệm vụ trọng tâm, theo hướng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện để phát triển kinh tế biển, đảo, phát triển công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

2. Phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; lợi thế đặc trưng của từng địa phương trong tỉnh để quy hoạch, đầu tư phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu của hội nhập quốc tế; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu và năng lực cạnh tranh; tăng cường liên kết vùng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển dịch vụ, du lịch.

3. Phát triển dịch vụ, du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn xã hội. Nhà nước tập trung thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, đào tạo nguồn nhân lực, ban hành cơ chế, chính sách, xây dựng sản phẩm và thương hiệu du lịch, xúc tiến và quảng bá du lịch. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực của doanh nghiệp và nhân dân để

thực hiện đầu tư, phát triển cơ sở vật chất về dịch vụ và du lịch để phục vụ nhu cầu của xã hội.

4. Phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng bền vững; bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nhân dân có trách nhiệm giữ gìn, tôn tạo tài nguyên, là chủ thể tham gia vào hoạt động dịch vụ và du lịch và là đối tượng được hưởng thụ thành quả mang lại từ việc phát triển dịch vụ, du lịch.

## **II. MỤC TIÊU**

Phấn đấu đến năm 2020, dịch vụ, du lịch Quảng Ngãi trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế; ưu tiên phát triển du lịch và một số ngành dịch vụ thiết yếu mà tỉnh có thế mạnh; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội để đầu tư các dịch vụ chất lượng cao và một số khu, điểm du lịch cao cấp; tập trung phát triển loại hình du lịch biển đảo, du lịch cộng đồng; thúc đẩy chuyên dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **III. CHỈ TIÊU**

### **1. Dịch vụ**

#### **1.1 Chỉ tiêu chung**

Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ (*theo giá so sánh*) giai đoạn 2016-2020 bình quân đạt 12,3%; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP đến năm 2020 chiếm 37,3% (*theo giá so sánh năm 2010*) và chiếm 28-29% (*theo giá hiện hành*).

#### **1.2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Dịch vụ phân phối: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020: 10,4%, đến năm 2020 chiếm tỷ trọng 24,3% trong khu vực dịch vụ, chiếm 9%/ tổng sản phẩm GRDP.

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 9,3%, đến năm 2020 chiếm 15,7%/ khu vực dịch vụ, chiếm 5,9%/ tổng sản phẩm GRDP.

- Dịch vụ kinh doanh bất động sản: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 10,3%, đến năm 2020 chiếm 17,7%/khu vực dịch vụ, 6,6%/ tổng sản phẩm GRDP.

- Dịch vụ vận tải: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 13,3%, đến năm 2020 chiếm khoảng 7%/khu vực dịch vụ và chiếm 2,6%/ tổng sản phẩm GRDP..

- Dịch vụ thông tin truyền thông tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 21,7%, và chiếm 10,8%/ khu vực dịch vụ, chiếm 4%/ tổng sản phẩm GRDP. Đến năm 2020 có 80% tổ chức công dân sử dụng dịch vụ hành chính công do Nhà nước cung ứng qua mạng Internet. Ngâm hóa 25 – 30% hạ tầng mạng cáp viễn thông, truyền hình; đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu đô thị mới...) ngâm hóa 100% hạ tầng mạng cáp (ngâm đến hộp cáp); 100% xã, phường có điểm cung cấp dịch vụ Internet công cộng.

- Dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tài chính: tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 13,3%, đến năm 2020 chiếm 2,67% khu vực dịch vụ và chiếm 0,99%/ tổng sản phẩm GRDP

- Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 11,2%, đến năm 2020 chiếm khoảng 1,85%/ khu vực dịch vụ và chiếm 0,69%/ tổng sản phẩm GRDP.

- Dịch vụ giáo dục đào tạo: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 9,5%, đến năm 2020 chiếm khoảng 6%/ khu vực dịch vụ và chiếm 2,24%/ tổng sản phẩm GRDP.

- Các dịch vụ khác: Tăng bình quân giai đoạn 2016-2020: 16,8%, đến năm 2020 chiếm khoảng 13,6%/ khu vực dịch vụ và chiếm 5,04%/ tổng sản phẩm GRDP.

## **2. Du lịch:**

- Đến năm 2020, tổng số khách du lịch đạt trên 1,1 triệu lượt, trong đó 80 ngàn lượt khách quốc tế; tốc độ tăng trưởng khách du lịch nội địa đến năm 2020 đạt 11,4%/năm; tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đến năm 2020 đạt 7,8%/năm.

- Đến năm 2020, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 1.200 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch đến năm 2020 đạt 16,5%/năm.

- Đến năm 2020, ngày lưu trú bình quân của khách quốc tế 3,2 ngày. Mức chi tiêu bình quân đến năm 2020 đạt 90 USD/người/ngày đêm.

- Đến năm 2020, ngày lưu trú bình quân của khách nội địa đạt 3,0 ngày. Mức chi tiêu bình quân đến năm 2020 đạt 850.000 VNĐ/người/ngày đêm.

- Số lượng cơ sở lưu trú: Đến năm 2020 có 4.500 buồng, trong đó tỷ lệ buồng đạt chất lượng 3 sao trở lên chiếm 15-25%.

- Chỉ tiêu việc làm: Đến năm 2020, tạo việc làm cho 15.000 người, trong đó lao động trực tiếp là 5.000 người.

## **IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Về dịch vụ**

#### **1.1 Dịch vụ phân phối**

##### **a) Dịch vụ bán buôn, bán lẻ**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh như: Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, xăng dầu, LPG... nhằm tạo cơ sở phát triển hoạt động bán buôn, bán lẻ mang tính ổn định, bền vững.

- Thực hiện có hiệu quả việc xã hội hóa trong thu hút đầu tư phát triển dịch vụ phân phối; đầu tư phát triển mới các trung tâm thương mại, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini ở các khu trung tâm, khu đô thị; đồng thời phát triển hệ thống đại lý bán buôn, bán lẻ rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, miền núi, hải đảo; huy động nguồn lực xã hội để đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ theo quy hoạch; thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ nhằm huy động các nguồn vốn của tổ chức kinh tế, thương nhân cho đầu tư phát triển chợ trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm. Tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp kinh doanh thương

mại với nông dân để tiêu thụ sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp. Thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; phát huy hiệu quả cổng thương mại điện tử của tỉnh ([www.tradequangngai.com.vn](http://www.tradequangngai.com.vn)).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### *b) Dịch vụ cấp phép và các dịch vụ khác*

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong dịch vụ công, công khai minh bạch các thủ tục hành chính, thực hiện hệ thống một cửa hiện đại, một cử liên thông, ứng dụng có hiệu quả cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin của các cơ quan đạt mức độ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để phục vụ cho các tổ chức và công dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong việc cấp phép và các dịch vụ khác đối với một số lĩnh vực được pháp luật cho phép, tạo thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức và công dân.

### **1.2. Dịch vụ thông tin và truyền thông**

#### *a) Dịch vụ bưu chính, viễn thông*

- Hoàn thành việc phát triển mạng lưới và phát triển rộng khắp các dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh. Mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực và giải trí. Ứng dụng công nghệ hiện đại triển khai tự động hoá trong khai thác, chấp nhận và tin học hoá các công đoạn bưu chính.

- Phát triển kinh doanh từ các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép, dịch vụ tài chính dựa trên mạng bưu chính điện tử; thị trường chuyển phát thư hoàn toàn mở cửa bình đẳng.

- Hoàn thiện triển khai hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng tới cấp xã, phường; phủ sóng thông tin di động đến toàn bộ khu vực dân cư; cung cấp truyền hình cáp (bao gồm cả hữu tuyến lẫn vô tuyến) trong phạm vi toàn tỉnh đến cấp thôn, xã.

#### *b) Dịch vụ báo chí*

- Tăng cường công tác hướng dẫn, cung cấp thông tin cho báo chí, cho nhân dân; tổ chức xây dựng các kênh thông tin, đáp ứng nhu cầu thông tin một cách chủ động của người cần tin; theo dõi hoạt động của các trang tin điện tử, trên báo giấy và báo điện tử.

- Triển khai Quy hoạch và phát triển ngành in - xuất bản - phát hành phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, giới thiệu, quảng bá hình ảnh quê hương và con người Quảng Ngãi tới độc giả trong, ngoài tỉnh và quốc tế.

- Xây dựng đơn vị hoạt động xuất bản có sản phẩm chiến lược chủ lực ổn định, khai thác phát triển thị trường tốt và kinh doanh có lãi.

- Xây dựng mạng lưới phát hành sách từ trung tâm thành phố đến các huyện trong tỉnh.

*c) Dịch vụ nghe nhìn*

- Đẩy mạnh đổi mới cả về nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình, đảm bảo tính nhanh nhạy, kịp thời, hấp dẫn, thiết thực, bổ ích... phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí ngày càng cao của nhân dân

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực phân phối và sản xuất băng hình và phim điện ảnh, dịch vụ chiếu phim, dịch vụ ghi âm và các dịch vụ khác.

**1.3. Dịch vụ vận tải, kho bãi, cảng biển, logistics**

*a) Dịch vụ vận tải hành khách*

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới vận tải khách công cộng bằng xe buýt, tuyến cố định trên địa bàn tỉnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy và tăng khả năng kết nối giữa các loại hình vận tải, phát triển vận tải đa phương thức.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy, đầu tư hạ tầng các bến cảng, bến xe khách, trạm dừng nghỉ theo quy hoạch đã được UBND tỉnh và Bộ Giao thông - Vận tải phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đổi mới quản lý vận tải đường bộ theo hướng hiện đại, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải và giảm thiểu tai nạn giao thông” và chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

*b) Dịch vụ vận chuyển hàng hóa*

- Nâng cao chất lượng xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư đổi mới các phương tiện vận chuyển hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn giao thông và thỏa mãn nhu cầu vận tải hàng hóa trong từng thời kỳ.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp đăng ký mở tuyến vận tải quốc tế đến các nước trong khu vực. Trước mắt mở tuyến vận tải quốc tế Việt - Lào từ Quảng Ngãi đến các tỉnh Chăm Pa Sác, A Tô Pư và thành phố Viêng Chăn; kêu gọi doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch vận tải để thúc đẩy vận tải đường bộ phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, nâng cao giá trị chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức, minh bạch thị trường vận tải, giảm tỷ lệ xe chạy rỗng, nâng cao sức cạnh tranh của vận tải hàng hóa tỉnh nhà.

*c) Vận tải đường thủy*

- Tập trung đầu tư bến cảng, bến thuyền để đáp ứng thỏa mãn nhu cầu neo đậu, vận chuyển, xếp dỡ, đi lại cho các loại phương tiện nhằm đáp ứng nhu cầu trong nội tỉnh, trong khu vực và hoạt động xuất nhập khẩu.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống dịch vụ như: Đầu tư bến cảng, bến thuyền, tàu thuyền để phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách; trong đó có tuyến từ đất liền ra huyện đảo Lý Sơn.

*d) Dịch vụ logistics*



- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông logistics trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đã được phê duyệt; đảm bảo các quy hoạch, kế hoạch về giao thông, vận tải phù hợp với các chiến lược, kết nối giữa các khu công nghiệp, nhà máy với các hệ thống cảng biển (Quy hoạch hệ thống giao thông kết nối các phương thức vận tải hàng hải với đường sắt, đường bộ và đường thủy nội địa); Quy hoạch phát triển dịch vụ logistics đối với ngành hàng hải (dịch vụ hàng hải, đại lý hàng hải, dịch vụ tàu lai dắt, môi giới hàng hải...).

- Phát huy lợi thế cảng biển nước sâu Dung Quất hình thành cảng vận tải container, phát triển các loại hình dịch vụ logistics theo hướng trục cảng nước sâu Dung Quất – Cảng hàng không Chu Lai làm vệ tinh cho 02 trung tâm logistics thuộc hành lang kinh tế đường 14B và hành lang kinh tế đường 19 và duyên hải Nam Trung Bộ theo Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015.

- Trước mắt, tập trung xây dựng, phát triển hệ thống kho bãi chứa hàng hóa tại các cảng biển, đảm bảo phục vụ cho phát triển công nghiệp trong KKT Dung Quất, các khu công nghiệp, trọng tâm là phục vụ dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Thép Hòa Phát, Điện khí, Doosan, VSIP và một số dự án công nghiệp có quy mô lớn trên địa bàn tỉnh tiến tới xây dựng trung tâm logistics tại khu vực cảng biển Dung Quất thuộc Khu kinh tế Dung Quất để thu hút đầu tư trong và ngoài nước gắn liền với phục vụ hoạt động xuất - nhập khẩu của cảng, quy mô diện tích đất 100.000 m<sup>2</sup> có chức năng phục vụ cho các hoạt động xuất – nhập khẩu của khu cảng, hỗ trợ cho các hoạt động tiếp xúc, kết nối với các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

#### ***1.4. Dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm***

##### ***a) Dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ liên quan***

- Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ có liên quan như: Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, tai nạn và y tế; dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và các dịch vụ hỗ trợ bảo hiểm.

- Định hướng dịch vụ bảo hiểm phát triển theo hướng mở rộng các loại hình bảo hiểm, các đối tượng bảo hiểm, nhất là các loại hình phục vụ cho đại đa số người lao động, nhân dân vùng sâu, vùng xa.

##### ***b) Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác***

- Khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại có hàm lượng công nghệ cao, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các giao dịch qua ngân hàng.

- Phát triển ổn định và bền vững hệ thống ngân hàng, đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng các chi nhánh, điểm giao dịch tại các khu, cụm, điểm dịch vụ và du lịch, khu vui chơi giải trí; phát triển các dịch vụ tiện ích như: Séc du lịch, thanh toán qua tài khoản, thẻ...đảm bảo an toàn, thuận tiện, hiệu quả, nhanh và chính xác.

#### ***1.5. Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội***

### *a) Dịch vụ bệnh viện*

- Đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và chất lượng khám, chữa bệnh; chú trọng nâng cao đạo đức, trách nhiệm, thái độ, kỹ năng giao tiếp, phục vụ bệnh nhân của đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh; đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh để đạt tiêu chuẩn hạng 1; thu hút đầu tư xây dựng bệnh viện chất lượng cao; nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở; tăng cường hợp tác với các bệnh viện lớn trong và ngoài nước trong khám và điều trị.

### *b) Các dịch vụ khác về y tế*

- Quy hoạch và kiện toàn mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh; tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực của Trung tâm y tế dự phòng của tỉnh để làm tốt nhiệm vụ nghiên cứu, dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các bệnh dịch nguy hiểm và bệnh dịch mới phát sinh.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao kể cả dịch vụ y tế gia đình. Thực hiện chính sách thu hút cán bộ y tế có trình độ cao về công tác tại tỉnh.

- Phát triển mạng lưới y tế học đường; tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo và các đối tượng chính sách. Đẩy mạnh thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

## **1.6. Dịch vụ giáo dục và đào tạo**

### *a) Dịch vụ giáo dục*

- Đổi mới căn bản hình thức và phương thức dạy học; chuẩn hóa và nâng chuẩn đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập cấp tiểu học, trung học cơ sở.

- Thúc đẩy phát triển giáo dục khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp cho học sinh cho trung học phổ thông

- Khuyến khích mở các loại hình trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông chất lượng cao theo chủ trương xã hội hóa. Tăng cường các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho giáo viên và học sinh.

### *b) Dịch vụ giáo dục nâng cao*

- Khuyến khích các cơ sở đào tạo hiện có đẩy mạnh việc liên kết trong nước và quốc tế, đào tạo lao động chất lượng cao nhằm đáp ứng thỏa mãn yêu cầu của các tổ chức sử dụng lao động trong tình hình mới.

- Triển khai các Chương trình đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao; trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn theo nhu cầu của thị trường.

- Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng ngoài tỉnh có uy tín cũng như các thành phần kinh tế có năng lực, đầu tư cơ sở giáo dục tại Quảng Ngãi để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho tỉnh và các tỉnh khu vực.

## **1.7. Dịch vụ kinh doanh bất động sản**

- Tiếp tục thúc đẩy các dự án đang đầu tư trên địa bàn tỉnh như: Khu đô thị An Phú Sinh, khu đô thị Phát Đạt, Năm Bảy Bảy, Phú Mỹ, VSIP để tạo điều kiện cho nhân dân, người lao động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế ... có điều kiện mua và thuê ở.

- Đẩy mạnh việc xã hội hóa về đầu tư cơ sở bất động sản theo giá rẻ để phục vụ nhà ở công nhân và người có thu nhập thấp.

### **1.8. Các dịch vụ khác**

#### **a) Dịch vụ chuyên ngành**

- Tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ chuyên ngành, tạo điều kiện hỗ trợ để phát triển các lĩnh vực ngành kinh tế khác; trước hết là rà soát các cơ chế chính sách để có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nhằm thu hút các lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành này.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các thành phần kinh tế khác đầu tư cơ sở vật chất, mở các chi nhánh, văn phòng hoạt động trên các lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành như: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ tính toán, kế toán, kiểm toán; dịch vụ thuế; dịch vụ kiến trúc; dịch vụ tư vấn kỹ thuật; dịch vụ quy hoạch; dịch vụ y tế; dịch vụ thú y; ...

#### **b) Dịch vụ máy tính và các dịch vụ có liên quan**

- Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan chịu sự điều chỉnh của các luật chung như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... nhưng chưa có luật chuyên ngành điều chỉnh các dịch vụ này, do đó, cần có sự quan tâm hỗ trợ đúng mức, kịp thời để thu hút các thành phần kinh tế tham gia.

- Định hướng đào tạo và có cơ chế thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực dịch vụ máy tính và các dịch vụ có liên quan nhằm phục vụ cho nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi.

#### **c) Dịch vụ môi trường**

- Dịch vụ xử lý nước thải, rác thải: Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực xử lý môi trường; trong đó đặc biệt là lĩnh vực xử lý nước thải, rác thải nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn, đồng bộ hơn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các chương trình hỗ trợ nâng cấp năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dịch vụ môi trường, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ về thiết kế, thi công, tham gia xử lý môi trường.

- Dịch vụ vệ sinh môi trường và các dịch vụ khác: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường và các dịch vụ khác; khuyến khích các doanh nghiệp, kể cả hợp tác xã đầu tư công nghệ, phương tiện để mở rộng hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng thỏa mãn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

#### **d) Các dịch vụ kinh doanh khác**

- Phát triển các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo hướng tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; tạo lập và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; cải thiện và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn lực, thị trường và các loại hình dịch vụ; tạo lập và nâng cao văn hóa doanh nghiệp và năng lực quản trị kinh doanh.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các thành phần kinh tế phát triển đồng đều các loại hình dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội như: Dịch vụ quảng cáo, dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ nghiên cứu thị trường, dịch vụ tư vấn liên quan tới khoa học kỹ thuật...

- Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ gắn với lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp.

- Áp dụng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học do nhà nước đầu tư kinh phí thành sản phẩm dịch vụ khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; đẩy mạnh việc khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu khoa học áp dụng vào phục vụ sản xuất và đời sống.

## **2. Về du lịch**

### ***2.1. Phát triển các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch phù hợp tiềm năng, lợi thế của tỉnh***

- Tập trung phát triển du lịch biển đảo trở thành loại hình du lịch chủ đạo của tỉnh, có sức hấp dẫn và cạnh tranh nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của các địa phương ven biển. Đặc biệt, phát triển và khai thác giá trị di sản địa chất của Công viên địa chất Lý Sơn, loại hình du lịch cộng đồng ở đảo Bé (Lý Sơn) trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, tạo thương hiệu cho du lịch Quảng Ngãi. Xây dựng Lý Sơn trở thành đảo du lịch xanh, sinh thái, được công nhận là điểm du lịch quốc gia vào năm 2020 và trở thành hạt nhân thúc đẩy du lịch tỉnh phát triển. Phát triển các khu, điểm du lịch nghỉ dưỡng ven biển (Thiên Đường, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, biển Mộ Đức) để một mặt vừa khai thác tiềm năng du lịch biển, mặt khác gia tăng sản phẩm kết nối với điểm đến Lý Sơn.

- Tiếp tục khai thác và hoàn thiện loại hình du lịch tìm hiểu lịch sử, du lịch "về nguồn" song song với việc đầu tư tôn tạo Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Khu chứng tích Sơn Mỹ, đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định, hệ thống các bảo tàng cách mạng, phòng trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp của Nhữ anh hùng – liệt sĩ – bác sĩ Đặng Thùy Trâm tại Bệnh xá Đặng Thùy Trâm; hoàn thành và đưa vào sử dụng Bảo tàng văn hoá Sa Huỳnh... gắn với thị trường khách du lịch là sinh viên, học sinh, cựu chiến binh.

- Tiếp tục phát triển du lịch văn hóa để khai thác hiệu quả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh, thu hút du khách đến tham quan các điểm di tích, tham dự các lễ hội truyền thống, nhất là Lễ Khao lè thế lính Hoàng Sa, Lễ hội Điện Trường Bà... Khuyến khích phát triển loại hình du lịch tâm linh gắn liền với việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, văn hóa tín ngưỡng của nhân dân địa phương như Chùa Thiên Ân, Chùa Ông, Chùa Hang, chùa Thiên Mã, Điện Trường Bà...

- Thúc đẩy phát triển loại hình du lịch sinh thái, lấy Cà Đam làm trọng điểm, gắn với rừng nguyên sinh suối Chí, suối nước nóng khoáng Thạch Bích, suối nước nóng Nghĩa Thuận, Khu du lịch Bãi dứa (Tư Nghĩa), thác Trắng (Minh Long), Gành Yên (Bình Sơn), ... nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế về cảnh quan thiên nhiên của các địa phương. Đẩy mạnh việc đăng cai tổ chức các sự kiện mang tầm khu vực quốc gia, quốc tế và nghiên cứu xây dựng đề án tổ chức loại

hình sự kiện du lịch hàng năm gắn với các hoạt động văn hóa, thể thao có quy mô lớn để thu hút khách du lịch sự kiện (MICE).

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tổ chức các hoạt động du lịch có trách nhiệm, gắn việc tham quan du lịch với việc tham gia làm công tác từ thiện xã hội, bảo vệ môi trường... để hỗ trợ chính quyền và người dân địa phương, góp phần xây dựng điểm đến, nhất là địa bàn huyện Lý Sơn và các huyện miền núi và các khu du lịch của tỉnh.

- Phát triển chợ đêm Sông Trà trở thành điểm tham quan, mua sắm giải trí gắn với tuyến phố đi bộ, hình thành các tuyến phố thời trang, tuyến phố ẩm thực, tuyến phố mua sắm... tại thành phố Quảng Ngãi để phục vụ khách du lịch khi lưu trú tại Quảng Ngãi; xây dựng khu mua sắm, khu ẩm thực, tuyến phố thương mại đi bộ tại Lý Sơn. Phát triển các trung tâm thương mại, mua sắm quy mô lớn gắn với hệ thống các cửa hàng bán hàng đặc sản của địa phương.

## **2.2. *Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng dịch vụ du lịch***

- Tiếp tục thực hiện và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch mới như Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, Quy hoạch xây dựng chi tiết tỉ lệ 1/2000 đảo Lý Sơn... và các điểm du lịch địa phương, nhất là các điểm du lịch ven biển đã hình thành và đưa vào hoạt động nhưng chưa thực hiện lập quy hoạch; điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển du lịch đã có như: Khu du lịch Sa Huỳnh, Quy hoạch phát triển du lịch huyện Lý Sơn...

- Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch, trong đó tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, điểm du lịch: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Thiên Đàng, Bình Châu, Thiên Ân, Lý Sơn, Cà Đam... Việc đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể của địa phương và đảm bảo các yếu tố về quốc phòng và an ninh.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án về giao thông đường bộ, đường thủy gắn với các khu, điểm du lịch đã được phê duyệt như: Dự án Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 2, tuyến đường Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài), tuyến đường bờ đông sông Kinh, cảng Bến Đình và hệ thống giao thông tại đảo Lý Sơn, bến cập tàu đảo Bé, cầu Cửa Đại.

- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, khu giải trí có quy mô lớn, gắn liền với sản phẩm du lịch đặc trưng, chuỗi dịch vụ chất lượng cao có khả năng cạnh tranh trong khu vực mang tính động lực để thu hút du khách và tạo điều kiện phát triển điểm đến: Khách sạn 5\* tại thành phố Quảng Ngãi, Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thiên Ý, Khu du lịch Ánh Vân, Khu sinh thái Bãi Dừa, Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam, Khu nghỉ dưỡng sinh thái suối nước nóng Nghĩa Thuận, Công viên Thiên Bút và Khu đô thị sinh thái Thiên Tân... Kêu gọi, xúc tiến các nhà đầu tư tiềm năng vào các khu, điểm du lịch: Lý Sơn, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Bình Châu, Thiên Đàng, Thiên Ân, Thạch Bích, Đặng Thùy Trâm...

- Đầu tư xây dựng và từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao gắn với du lịch như: Nhà văn hoá hoặc trung tâm văn hóa đa năng, rạp chiếu phim, Khu Liên hợp thể dục, thể thao và nhà luyện tập, thi đấu đa năng, sân vận

động, thư viện, bảo tàng tổng hợp tỉnh, khu vui chơi giải trí... để phục vụ nhân dân và khách du lịch; đồng thời tạo cơ sở vật chất đủ tiêu chuẩn đăng cai các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao mang tầm quốc gia, quốc tế tại tỉnh, thu hút khách đến tham dự. Lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia đối với khu vực Giếng Tiên và Thới Lới, nghiên cứu triển khai dự án bảo tồn khẩn cấp đảo Bé, Bảo tồn và phát triển thương cảng cổ cảnh Bình Châu, các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu khác, lập hồ sơ đề nghị công nhận Công viên địa chất quốc gia, sau đó là công viên địa chất toàn cầu cho đảo Lý Sơn, Bình Châu và các vùng phụ cận.

### **2.3. Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch**

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, người dân và du khách về bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường du lịch.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch tại các khu, điểm, tuyến du lịch, nhất là ở các địa bàn trọng điểm như thành phố Quảng Ngãi, huyện Lý Sơn, huyện Đức Phổ.

- Chủ động ngăn ngừa và kịp thời xử lý các vụ việc nâng giá, ép giá tùy tiện, chèo kéo du khách, nạn xin ăn, bán hàng rong gây ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch Quảng Ngãi. Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Tổ hỗ trợ du khách.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới phương thức phục vụ, đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Hình ảnh hoá và đẩy mạnh việc tuyên truyền thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm xây dựng môi trường du lịch văn minh, lịch sự.

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin du lịch, tiếp tục quảng bá số Tổng đài 0888.700.008 của tổ hỗ trợ du khách trên công thông tin điện tử, website, facebook, youtube, và các phương tiện truyền thông khác.

### **2.4. Phát triển mạnh các ngành nghề sản xuất, dịch vụ hỗ trợ du lịch**

- Hướng dẫn, hỗ trợ phát triển mạnh các ngành nghề sản xuất quà tặng, hàng lưu niệm như: Quế (Trà Bông), hành, tỏi (Lý Sơn), cá bông, don, kẹo gương, mạch nha, đường phèn, đường phôi, dẹt thổ cẩm, dẹt chiếu cói, gốm Mỹ Thiện..., từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm quà tặng và hàng lưu niệm và dịch vụ hỗ trợ du lịch. Đồng thời phát triển các hàng hoá lưu niệm từ sản vật biển, đảo, làm phong phú các sản phẩm quà tặng, hàng lưu niệm của tỉnh

- Khôi phục, phát huy giá trị các làng nghề thủ công truyền thống như gốm Mỹ Thiện (Bình Sơn), dẹt thổ cẩm Làng Teng (Ba Tơ) để phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, đồng thời tạo nên sản phẩm quà tặng cho du lịch Quảng Ngãi.

### **2.5. Đổi mới công tác tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá du lịch**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đổi mới nội dung và tăng thời lượng phát sóng

và các chương trình, chuyên mục, ký sự giới thiệu về du lịch Quảng Ngãi trên 02 kênh phát thanh và truyền hình. Sản xuất các chương trình văn nghệ về loại hình nghệ thuật hát múa dân gian như hát bả trạo, hát hò, hát lý biểu diễn nhạc cụ của đồng bào dân tộc trên địa bàn. Vận hành website du lịch Quảng Ngãi phong phú cả về nội dung lẫn hình thức bằng tiếng Việt và tiếng Anh nhằm phục vụ tốt công tác tuyên truyền quảng bá về hình ảnh du lịch Quảng Ngãi.

- Tham gia hội chợ, hội thảo về du lịch tổ chức trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường; xuất bản đa dạng ấn phẩm du lịch với nhiều thứ tiếng phục vụ việc tham gia các hội chợ, hội thảo để quảng bá du lịch Quảng Ngãi. Tổ chức các chương trình biểu diễn văn hóa, nghệ thuật đặc sắc tại hội chợ nhằm thu hút sự chú ý của khách tham quan.

- Phối hợp với Tổng cục Du lịch, Tổng Công ty Hàng không quốc gia Việt Nam và Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức đón các đoàn Famtrip, Presstrip để giới thiệu tài nguyên, sản phẩm du lịch của tỉnh, thu hút đầu tư và mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế. Đẩy mạnh việc quảng bá các video clip về du lịch trên các đường bay thành phố Hồ Chí Minh – Chu Lai, Hà Nội – Chu Lai và tại các sân bay Chu Lai, Đà Nẵng, Nha Trang và các đoàn tàu lửa, các phương tiện vận tải hành khách khác.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong xây dựng, quảng bá thương hiệu du lịch Quảng Ngãi và trong hoạt động xúc tiến du lịch; khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch ứng dụng và khai thác có hiệu quả công nghệ thông tin; trang bị hệ thống máy tính kết nối internet với tốc độ cao nhằm phục vụ hoạt động phát triển, xúc tiến du lịch của đơn vị mình, sử dụng blog du lịch hoặc tận dụng các trang mạng xã hội có tính tương tác cao như Pinterest, Facebook, Youtube, Liveleak... để tiến hành các hoạt động quảng bá, xúc tiến nhằm phát triển du lịch.

- Chú trọng triển khai các chương trình đồng hành thương hiệu giữa các đối tác với du lịch Quảng Ngãi để đẩy mạnh việc quảng bá và phát triển du lịch của tỉnh.

## **2.6. Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch**

- Liên kết các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch với các cơ quan Trung ương và các địa phương tại các chương trình, sự kiện xúc tiến du lịch Việt Nam và các chương trình, sự kiện lớn tại các địa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố đã ký kết chương trình hợp tác phát triển du lịch, đặc biệt là với các trung tâm du lịch trong cả nước như: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên để hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh, nhất là tuyến du lịch đường biển liên đảo Cù Lao Chàm – Lý Sơn.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển du lịch giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh thuộc các nước Lào, Campuchia, Thái Lan và các nước trong khu vực, tiến tới hình thành các tuyến du lịch quốc tế nhằm khai thác nguồn khách du lịch bằng đường bộ theo trục hành lang kinh tế Đông - Tây và đường hàng không đến các tỉnh miền Trung, Quảng Ngãi và ngược lại.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN**

### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

- Tăng cường nâng cao nhận thức về phát triển dịch vụ, du lịch của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Xem phát triển dịch vụ, du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, là sự nghiệp chung của toàn Đảng bộ, của các ngành các cấp, của toàn xã hội và có tính liên vùng, liên ngành sâu sắc.

- Chú trọng tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; có thái độ ứng xử văn minh, lịch sự nhằm tạo hình ảnh tốt đẹp về đất nước và con người Quảng Ngãi.

### **2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch**

- Trên cơ sở Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020; Quyết định phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quy hoạch phát triển các ngành: thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, sử dụng đất... đã được phê duyệt; công bố công khai rộng rãi quy hoạch để tổ chức, công dân dễ dàng tiếp cận nhằm thu hút các dự án đầu tư; đồng thời giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy hoạch và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển ngành có liên quan hoạt động dịch vụ để phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn gắn với yêu cầu thị trường nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển dịch vụ.

- Quy hoạch quỹ đất cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ để thu hút các dự án đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động của các loại hình dịch vụ; đồng thời có giải pháp và chính sách hỗ trợ tích cực trong việc giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Công bố kịp thời và công khai khung giá thuê đất cho từng khu vực tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn.

### **3. Tập trung đa dạng hóa, đẩy mạnh huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, dịch vụ**

- Đa dạng hóa nguồn vốn, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, không hiệu quả:

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công, từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

- Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh theo quy định của pháp luật, trong đó ngân sách nhà nước bố trí một phần, còn lại huy động phần lớn nguồn lực từ xã hội để nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển ngành du lịch của tỉnh.

*\*/ Nguồn ngân sách trung ương*

Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các bộ, ngành trung ương từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương để ưu tiên bố trí cho cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu như giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước và hạ tầng



kinh tế - xã hội khác, tạo điều kiện thúc đẩy thu hút đầu tư để phát triển dịch vụ. Ưu tiên nguồn vốn trung ương để đầu tư hoàn thiện hạ tầng KDL Mỹ Khê, KDL Sa Huỳnh và đảo Lý Sơn.

*\*/ Nguồn vốn ngân sách tỉnh*

+ Ưu tiên tập trung nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm du lịch, phát triển các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, không có khả năng thu hồi vốn hoặc mức độ thu hồi vốn thấp, rủi ro cao, hoặc có tác động lớn đến phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ lực, có lợi thế trong việc tạo ra giá trị gia tăng cao và bố trí vốn đối ứng các dự án từ nguồn ngân sách trung ương, dự án ODA, NGO.

+ Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng theo các hình thức BOT, BTO, BT. Nghiên cứu triển khai đầu tư theo hình thức đối tác công- tư (PPP) đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công có khả năng hoàn trả vốn hoặc dự án có khả năng khai thác được lợi thế về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, vận hành và sử dụng hiệu quả năng lực tài chính của khu vực tư nhân.

*\*/ Nguồn vốn xã hội hóa:*

+ Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng dịch vụ, nhất là phát triển các dịch vụ văn hoá, du lịch, giáo dục y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm, trung tâm hội chợ triển lãm...theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và từng bước hội nhập quốc tế. Đối với các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô, hiện đại, cần có cơ chế linh hoạt, chế độ ưu đãi thoả đáng, tạo điều kiện để doanh nghiệp yên tâm đầu tư lâu dài.

+ Rà soát và tiến hành thu hồi diện tích đất không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất nhằm chủ động xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án nghỉ dưỡng, khách sạn và dịch vụ du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí... Ưu tiên kêu gọi và tạo mọi điều kiện thuận lợi về chính sách ưu đãi, quỹ đất, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho các nhà đầu tư lớn có tiềm lực và thương hiệu mạnh để thực hiện các dự án tại tỉnh.

+ Tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng nhà nước thông qua việc khuyến khích các tổ chức tín dụng trên địa tăng cường cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nắm bắt thông tin về các chương trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

- Dự kiến nhu cầu vốn để phát triển du lịch tỉnh đến 2020 khoảng 874,5 tỷ đồng, trong đó 814,5 tỷ đồng đầu tư phát triển hạ tầng du lịch và 60 tỷ đồng cho hoạt động xúc tiến du lịch và hoạt động quản lý nhà nước về du lịch.

+ Nguồn ngân sách khoảng 94 tỷ đồng

+ Nguồn vốn ngoài ngân sách khoảng 780,5 tỷ đồng

*(Phụ lục số 04 đính kèm)*

#### **4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Điều tra, thống kê và phân loại trình độ lao động trong ngành dịch vụ, du lịch. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đến năm 2020 theo hướng kết hợp giữa nguồn vốn của ngân sách với nguồn vốn của doanh

nghiệp sử dụng lao động và người lao động; đảm bảo được yêu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, đặc biệt là đào tạo nghề dịch vụ du lịch cho lao động nông thôn, hướng tới xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tại các địa phương có điều kiện phát triển loại hình du lịch này như ở đảo Lý Sơn, Ba Tư, Trà Bồng...

- Đa dạng hóa phương thức đào tạo; khuyến khích đào tạo tại chỗ, tự đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, tái đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và chất lượng nguồn nhân lực dịch vụ, du lịch, nhất là đào tạo ngoại ngữ và hướng đến “chuẩn nghề du lịch” cho hầu hết lực lượng lao động trong ngành du lịch.

- Tạo điều kiện cho công chức quản lý nhà nước, các quản lý kinh doanh dịch vụ, du lịch tham gia các khóa đào tạo ngắn và dài hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý do tỉnh và các Bộ, ngành tổ chức ở trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ phát triển du lịch, tiếp thị du lịch chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch của tỉnh trong giai đoạn hội nhập quốc tế toàn diện hiện nay.

## **5. Ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích dịch vụ, du lịch phát triển**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích dịch vụ, du lịch phát triển của Trung ương và của tỉnh hiện có; đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách thật sự thông thoáng, hấp dẫn trong thu hút đầu tư, có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực như: Thương mại, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thông tin truyền thông, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, du lịch, đào tạo nghề, đầu tư hạ tầng, giải quyết việc làm. Ưu tiên thu hút các dự án có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao, phát huy tốt tiềm năng lợi thế của tỉnh, giải quyết nhiều lao động.

- Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, nhất là đối với các loại hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, du lịch cộng đồng ở huyện Lý Sơn, Trà Bồng, Ba Tư...; phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp, các loại hình vui chơi giải trí phù hợp.

- Ban hành quy chế quản lý, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh.

- Xây dựng cơ chế quản lý khách du lịch là người nước ngoài đến khu vực biên giới, đảo để thống nhất công tác quản lý theo hướng chặt chẽ nhưng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút khách du lịch.

- Có cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc nhập, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, liên lạc, phương tiện giải trí... nhằm phục vụ hoạt động du lịch và kết hợp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

## **6. Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước các cấp**

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước chuyên ngành; nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch của tỉnh; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công chức

để nâng cao năng lực quản lý nhà nước về dịch vụ, du lịch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, làm tốt công tác phối hợp giữa các ngành chức năng trong hoạt động thẩm định, kiểm tra, hướng dẫn nhằm công khai, minh bạch, tạo môi trường lành mạnh an toàn, thu hút đầu tư, không gây phiền hà, sách nhiễu cho doanh nghiệp và du khách.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh trong việc đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh; tăng cường vai trò và năng lực quản lý nhà nước du lịch của các phòng văn hóa thông tin cấp huyện để phối hợp và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và phát triển du lịch theo quy hoạch trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, phối hợp với các cơ quan trung ương, doanh nghiệp trên địa bàn tập trung điều phối toàn bộ hoạt động phát triển khu vực dịch vụ nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển dịch vụ.

- Tăng cường hoạt động thanh, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ, du lịch về việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, hiệu quả. Phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, PCCC...

## **7. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội**

Tăng cường công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển dịch vụ, du lịch; thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng Quảng Ngãi thành điểm đến hấp dẫn, thân thiện, có môi trường sống, đầu tư, kinh doanh minh bạch và phát triển bền vững.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các ngành, địa phương liên quan căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

### **1. Các Sở, ban ngành**

#### ***α - 1.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch***

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch phát triển du lịch. Chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá. Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố duy trì, phát triển các lễ hội cổ truyền, lễ hội văn hóa dân gian hàng năm để thu hút khách du lịch, phục hồi các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian của các dân tộc trong tỉnh.

- Phối hợp các đơn vị liên quan huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đa dạng, đặc trưng dịch vụ chất lượng cao; tăng cường quảng bá, thu hút đầu tư, triển khai có hiệu quả Chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố đã ký kết. Chỉ đạo các doanh nghiệp du lịch tham gia chương trình xúc tiến du lịch, hội chợ triển lãm về du lịch trong nước và nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng cơ chế phát triển loại hình du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, du lịch cộng đồng ở huyện Lý Sơn, Trà Bồng, Ba Tơ... ; xây dựng quy chế quản lý, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; giữ gìn trật tự trị an và quản lý môi trường trong hoạt động du lịch, nhất là tại các khu, điểm du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ hoặc đột xuất thanh kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện nghiêm những quy định của pháp luật về kinh doanh du lịch.

### *h)* **1.2. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển thương mại, chú trọng phát triển trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, các khu dịch vụ tổng hợp đáp ứng nhu cầu tham quan của khách du lịch; đẩy nhanh tiến độ xúc tiến thương mại để kêu gọi đầu tư xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại. Phối hợp tổ chức các hội chợ gắn với sự kiện du lịch. Hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu; Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và địa phương trong việc phát triển các làng nghề truyền thống, các sản phẩm quà tặng, hàng lưu niệm, dịch vụ đặc trưng để phục vụ phát triển du lịch.

- Phối hợp với UBND thành phố Quảng Ngãi xây dựng chợ đêm Sông Trà trở thành điểm tham quan, mua sắm giải trí gắn với tuyến phố đi bộ phục vụ khách du lịch khi lưu trú tại Quảng Ngãi; hoàn thiện khu mua sắm, ẩm thực tại Lý Sơn. Phát triển các trung tâm thương mại, mua sắm quy mô lớn gắn với hệ thống các cửa hàng bán hàng đặc sản của địa phương, tạo mối liên kết giữa các doanh nghiệp thương mại, du lịch để phát triển dịch vụ...

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường để kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần đảm bảo quyền lợi của du khách nhằm xây dựng hình ảnh tốt đẹp của Quảng Ngãi.

### **1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung kịp thời Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển của tỉnh; Xây dựng Quy hoạch phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức quản lý việc thực hiện các quy hoạch, cơ chế chính sách được phê duyệt.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ các nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về Quy định ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi; trong đó chú trọng đến lĩnh vực dịch vụ, du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư phát triển dịch vụ, du lịch, huy động các nguồn vốn, tài trợ trong và ngoài nước cho phát triển dịch vụ, du lịch.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án đang đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Phối hợp chặt chẽ với các ngành xem xét, thẩm định năng lực các nhà đầu tư trước khi cấp phép đầu tư; theo dõi, rà soát các dự án đã thỏa thuận về đất đai, cấp phép đầu tư nhưng không triển khai hoặc chậm triển khai, đề xuất UBND tỉnh thu hồi và cấp cho nhà đầu tư mới có năng lực.

- Tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp sau khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch ở trong và ngoài nước.

#### **1.4. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm để đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển dịch vụ, du lịch; phối hợp tham mưu UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển du lịch của tỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về phí, lệ phí liên quan đến hoạt động dịch vụ, du lịch.

#### **1.5. Sở Xây dựng**

- Phối hợp với các Sở, ngành và các huyện, thành phố liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư dịch vụ, du lịch theo đúng quy hoạch và đúng quy định của Luật Xây dựng.

- Tổ chức thẩm định và tham mưu UBND tỉnh xem xét phê duyệt các đề án quy hoạch trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các huyện, thành phố liên quan trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nâng cao chất lượng về dịch vụ kinh doanh bất động sản.

#### **1.6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách về giải phóng mặt bằng về tạo trước quỹ đất sạch phục vụ kêu gọi và triển khai đầu tư các dự án dịch vụ, du lịch;

- Rà soát, kịp thời điều chỉnh bổ sung Quy hoạch sử dụng đất, cân đối bố trí đất cho phát triển các ngành dịch vụ, du lịch; cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, sinh viên và các khu tái định cư.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các nhà đầu tư lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường theo thẩm quyền tại các khu, điểm du lịch, đặc biệt là rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ; ứng phó với biến đổi khí hậu.

#### **1.7. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các huyện, thành phố liên quan trong việc nâng cao chất lượng về dịch vụ y tế, hoạt động trợ giúp xã hội.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị kinh doanh du lịch thực hiện tốt quy chế bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch theo các quy định của pháp luật.

### **1.8. Sở Giao thông vận tải**

- Tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông các tuyến đường gắn với các khu, điểm du lịch, các trung tâm dịch vụ, nhất là điểm du lịch Lý Sơn.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch, cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch và kiểm tra hoạt động kinh doanh vận chuyển này.

- Chủ trì, phối hợp với các huyện, thành phố liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng chính sách, khuyến khích các thành phần kinh tế để phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải trong thời gian đến.

### **1.9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc phát triển nguồn nhân lực du lịch.

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc quản lý, hỗ trợ các chính sách xã hội giải quyết hiệu quả tình trạng lang thang, xin ăn tại các khu đô thị, khu điểm du lịch và nơi công cộng

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các huyện, thành phố liên quan trong việc phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo nghề để cung cấp nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế.

### **1.10. Sở Nội vụ**

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh về mô hình quản lý ngành du lịch, xây dựng đội ngũ xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, kiện toàn cơ cấu Ban chỉ đạo phát triển du lịch của tỉnh. Phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm nhằm nâng cao năng lực đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về dịch vụ, du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

### **1.11. Sở Ngoại vụ**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan trong việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh du lịch Quảng Ngãi ra cộng đồng quốc tế thông qua các kênh là cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, các kênh đoàn ra, đoàn vào, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, các hãng thông tấn báo chí nước ngoài. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tư tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, học tập về các mô hình phát triển du lịch ở nước ngoài.

### **1.12. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá về dịch vụ, du lịch Quảng Ngãi; tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong việc quảng bá hình ảnh, văn hoá tỉnh Quảng Ngãi ra bên ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành trong việc phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin và truyền thông.

### ***1.13. Các cơ quan báo, đài địa phương***

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền quảng bá về dịch vụ, du lịch Quảng Ngãi nhằm thu hút đầu tư, thu hút khách du lịch đến với du lịch Quảng Ngãi; tuyên truyền, phổ biến các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển dịch vụ, du lịch và bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch đến toàn thể cán bộ và nhân dân trong tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí ở Trung ương và các tỉnh giới thiệu tiềm năng du lịch Quảng Ngãi; tăng thời lượng phát sóng của các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, quảng bá về dịch vụ, du lịch Quảng Ngãi.

### ***1.14. Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh***

- Xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc nhập, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, liên lạc, phương tiện giải trí...

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong công tác kiểm tra các thủ tục đăng ký tạm trú đối với cơ sở lưu trú du lịch.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị kinh doanh du lịch bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch. Tăng cường công tác quản lý và phòng chống các tệ nạn xã hội trong hoạt động kinh doanh du lịch.

- Tham mưu UBND tỉnh đối với các dự án đầu tư vào các khu du lịch có liên quan đến an ninh quốc phòng trong khu vực phòng thủ, biên giới biển, đảo của tỉnh.

### ***1.15. Các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan***

- Các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan theo nhiệm vụ và chức năng tập trung hỗ trợ thực hiện Đề án đạt hiệu quả. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch nhằm nâng cao nhận thức ở các cấp, các ngành và cộng đồng. Xem phát triển du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

- Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

## **2. UBND các huyện, thành phố**

- Bố trí cán bộ và chú trọng nâng cao năng lực tham mưu giúp việc UBND các huyện, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ, du lịch trên địa bàn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án, kế hoạch phát triển dịch vụ, du lịch hàng năm, giai đoạn đến 2020 phù hợp với kế hoạch của tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, trong đó chú trọng phát triển các cơ sở dịch vụ, các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, lễ hội trở thành điểm đến du lịch nổi trội, khác biệt, hấp dẫn; phối hợp hình thành khu mua sắm đặc trưng, đảm bảo phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển dịch vụ, du lịch cho các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư của địa phương. Phối hợp các ngành thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện dự án. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch; chủ động xây dựng các quy hoạch điểm du lịch địa phương; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đầu tư xây dựng và hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn.

## **3. Hiệp hội Du lịch tỉnh**

- Tuyên truyền phổ biến đến hội viên và cộng đồng doanh nghiệp về nội dung Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Đề án, Kế hoạch phát triển Du lịch Quảng Ngãi đến năm 2020 đồng thời huy động doanh nghiệp tham gia tích cực trong việc triển khai tổ chức thực hiện Đề án này.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở ngành liên quan thực hiện công tác xúc tiến quảng bá du lịch; gắn kết giữa quảng bá thương hiệu, điểm đến của tỉnh với quảng bá thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp.

## **4. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, du lịch**

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trong Đề án này, phù hợp với tình hình mới, đồng thời tăng cường liên doanh liên kết để phát triển kinh doanh dịch vụ, du lịch, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Thực hiện đào tạo, tuyển dụng đội ngũ, cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Chú trọng chất lượng phục vụ, chất lượng trang thiết bị cơ sở vật chất, thực hiện cạnh tranh bảo đảm văn hóa, văn minh trong kinh doanh du lịch.

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu gắn quảng bá sản phẩm, dịch vụ; tích cực tham gia các sự kiện du lịch, hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh, sự kiện quốc tế để đưa thương hiệu hình ảnh doanh



nghiệp đến với du khách trong và ngoài nước, góp phần định vị và phát triển thương hiệu dịch vụ, du lịch Quảng Ngãi.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
HỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

## PHỤ LỤC SỐ 1

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về du lịch giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 2010	Giai đoạn 2011-2015					Giai đoạn 2016-2020					Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)	
				TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH2014	TH 2015	TH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Thực hiện (2011-2015)	Kế hoạch (2016-2020)
I	<b>TỔNG SỐ KHÁCH</b>	<i>lượt</i>	330.000	365.000	426.511	468.841	540.200	650.000	725.000	750.000	800.000	900.000	1.100.000	14,5	11,1
-	<i>Khách du lịch quốc tế đến</i>	<i>lượt</i>	25.000	27.400	30.268	36.389	42.650	55.000	61.000	65.000	70.000	75.000	80.000	17,1	7,8
-	<i>Khách du lịch nội địa</i>		305.000	337.600	396.243	432.452	497.550	595.000	664.000	685.000	730.000	825.000	1.020.000	14,3	11,4
II	<b>NGÀY LƯU TRÚ BÌNH QUÂN KHÁCH QUỐC TẾ</b>	<i>Ngày</i>	2,5	2,6	2,7	2,7	2,7	2,8	2,8	2,9	2,9	3	3,2	2,3	2,7
II	<b>NGÀY LƯU TRÚ BÌNH QUÂN KHÁCH NỘI ĐỊA</b>	<i>Ngày</i>	1,9	2	2,1	2,2	2,3	2,4	2,5	2,6	2,7	2,8	3	4,8	4,6
III	<b>TỔNG CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH</b>	<i>Cơ sở</i>	60	68	72	73	81	275	280	290	300	310	320	35,6	3,1
IV	<b>SỐ BUỒNG LƯU TRÚ DU LỊCH</b>	<i>Buồng</i>	1.800	1.900	2.000	2.063	2.100	3.800	3.900	3.960	4.020	4.080	4.500	16,1	3,4
V	<b>LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH DU LỊCH (Tổng số)</b>	<i>Người</i>	6045	6355	6820	7200	8370	9300	10075	10850	12400	13500	15000	9,0	10,0
-	<i>Lao động trực tiếp</i>	<i>Người</i>	1950	2.050	2.200	2.400	2700	3000	3250	3500	4000	4500	5000	9,0	10,8
-	<i>Lao động gián tiếp</i>	<i>Người</i>	4095	4.305	4.620	4.800	5670	6400	6825	7350	8400	9000	10000	9,3	9,3
VI	<b>TỔNG THU TỪ KHÁCH</b>	<i>Tỷ đồng</i>	215	252	322	458	508	560	640	700	820	950	1200	21,1	16,5
	<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>triệu USD</i>	3	3,5	4	5	5,1	6,2	6,8	7,5	8,5	10	12	15,6	14,1

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VỀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

TT	Tên dự án	Nguồn vốn	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Ghi chú
1	Công trình điện, đường loại 1, loại 2 Khu du lịch Mỹ Khê	Hạ tầng du lịch	1,10	0,33				1,43	
2	Đường trục chính, cấp điện và cấp thoát nước Khu du lịch Sa Huỳnh	Hạ tầng du lịch	0,72					0,72	
3	Đường bờ đông sông Kinh Giang (nổi dài)	Hạ tầng du lịch và ngân sách tỉnh	0,36	27,50	15,50	12,72	7,95	64,03	Trong đó, vốn NS tỉnh là 36,52 tỷ đồng
4	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài)	Hạ tầng du lịch và ngân sách tỉnh	0,10	0,05	14,16	18,28	23	55,59	Trong đó, vốn NS tỉnh là 34,88 tỷ đồng
<b>TỔNG CỘNG</b>			2,28	27,88	29,66	31	30,95	121,77	

**PHỤ LỤC SỐ 3**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH**

STT	Tên dự án	Doanh nghiệp đầu tư	Qui mô (hecta)	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN KKT DUNG QUẤT</b>						
1	Khu du lịch sinh thái nhà vườn cao cấp Bình Sơn Hải	Công ty CP 658	4,27	TP. Vạn Tường	51	Chủ đầu tư đã trình Sở Xây dựng thẩm định Thiết kế cơ sở của Dự án. Ban quản lý KKT Dung Quất đang đôn đốc, phối hợp và hướng dẫn chủ đầu tư triển khai các bước thủ tục tiếp theo.
2	Khách sạn và dịch vụ Ngọc Linh - Dung Quất	Công ty TNHH TM&ĐT NgọcLinh	1,28	KCN phía Tây, Bình Chánh	30,6	Đã xây dựng và đi vào hoạt động khu dịch vụ massage và khu giải trí. Khu khách sạn chỉ mới xây dựng phần móng.
3	Khu khách sạn, nhà hàng và thể thao Hoàng Gia	Công ty TNHH Hoàng Gia	2,4	Bình Thạnh, Bình Sơn	30,6	đã hoàn thành khu nhà hàng và massage và phần khách sạn. Tuy nhiên đã thu hồi Giấy CN đầu tư, đang tìm đối tác chuyển nhượng.
4	Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng	Công ty CP Thiên Đàng	286	Khe Hai, Bình Sơn	340	Đây là dự án có quy mô tương đối lớn trong lĩnh vực du lịch sinh thái và đã thực hiện đầu tư khá sớm tại KKT Dung Quất. Tuy nhiên, do tác động của nhiều yếu tố nên dự án chỉ mới xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 01/05 khu chức năng theo quy hoạch được duyệt (Khu Bốn mùa). Một số khu khác đang trong tình trạng triển khai dở dang về công tác bồi thường - GPMB.
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI VÀ CÁC HUYỆN</b>						
5	Khu du lịch sinh thái núi Sứa	Công ty TNHH Đại Dương Xanh	3,3	Thành phố Quảng Ngãi	72	Đã hoàn thành việc đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng và đưa vào hoạt động khu dịch vụ cà phê, nhà hàng.
6	Khu du lịch Biển Mỹ Khê	Công ty CP Mỹ Khê Việt Nam	23,5	Thành phố Quảng Ngãi	824	Dự án đã đầu tư khá nhiều, tuy nhiên kể từ khi điều chỉnh gia hạn đến nay, dự án không tiến triển, công ty mẹ ngừng cấp vốn. UBND tỉnh đã chỉ đạo thanh tra dự án và đã có kết luận

STT	Tên dự án	Doanh nghiệp đầu tư	Qui mô (hecta)	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
7	Khu du lịch Sa Huỳnh	Công ty CP Du lịch Quảng Ngãi	52,27	KDL Sa Huỳnh, Đức Phổ	120	đã đưa vào hoạt động hạng mục lưu trú, khu ăn uống
8	Khu du lịch sinh thái Thác Trắng	công ty TNHH MTV Thác Trắng	57	huyện Minh Long	74	Đã đưa vào hoạt động khu vực nhà hàng, nhà nghỉ, bãi tắm thác, khu câu cá.
9	Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa	Công ty TNHH Phú Điền	50	huyện Tư Nghĩa	30	Đã tiến hành xong công tác san lấp mặt bằng, hoàn thành hạng mục xây dựng tường rào, cổng ngõ khu nghỉ dưỡng. Hiện tại, công ty đang triển khai xây dựng phần thô các khu villa, nhà hàng - cà phê.
10	Khu du lịch sinh thái - resort nghỉ dưỡng Bình Hiệp - Bình Sơn	Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa		Bình Sơn		Được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư cho Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa từ ngày 21/10/2011 nhưng đến nay vẫn chưa triển khai các bước tiếp theo
11	Khu du lịch sinh thái biển Hàng Dương	Công ty TNHH Hà Thành		Tp. Quảng Ngãi		Dự án được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư vào năm 2002, đã xây dựng một số hạng mục. Hầu hết các hạng mục này đều đã xuống cấp và từ năm 2008 đến nay Công ty vẫn chưa triển khai thêm hạng mục nào khác. Diện tích hiện đang sử dụng do Công ty TNHH Hà Thành thuê tại Khu du lịch Mỹ Khê là 30.681 m <sup>2</sup>
12	Tổ hợp Trung tâm thương mại và khách sạn Mường Thanh 5 sao tại Tp. Quảng Ngãi và khách sạn 4 sao tại Lý Sơn	Tập đoàn Mường Thanh	3,5 0,65	Tp. Quảng Ngãi, huyện Lý Sơn	450 (Lý Sơn)	Đã đưa vào hoạt động khách sạn Mường Thanh Holiday - Lý Sơn
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>2022</b>	

**PHỤ LỤC SỐ 4****NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI  
ĐẾN NĂM 2020**

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Quy mô (ha)</b>	<b>Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách nhà nước (tỷ đồng)</b>	<b>Nguồn vốn ngoài ngân sách (tỷ đồng)</b>
	<b>GIAI ĐOẠN 2016 - 2020</b>		<b>874,5</b>	<b>94</b>	<b>780,5</b>
1	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Mỹ Khê	-	400	17	383
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	67,4	150	10	140
3	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Sa Huỳnh	158	230	38	193
4	Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2)	-	36,5	04	
5	Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch	-	15	10	5
6	Tiếp tục đầu tư xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi	-	15	10	5
7	Tiếp tục đầu tư hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch	-	28	5	23